



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

Rang Dong
RDP

Luôn Luôn Tốt Hơn



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA **Rang Dong**

Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-8) 3969 2272 - Fax: (84-8) 3969 2843

E-mail: nhuarangdong@rdplastic.vn

Web: www.rdplastic.com.vn - www.aomuarangdong.com

MST: 0300384357



BAO BÌ



GIÁ DA



MÀNG MỎNG



TỜ VÁN



ÁO MƯA

BÁO CÁO | **THƯỜNG NIÊN** | **2015**

Chất Lượng **Rang Dong**, Hòa Cùng Thế Giới

GIỚI THIỆU

////// **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA *Rạng đông*** ////



Trụ sở chính



Nhà máy Bao bì số 1 - Củ Chi



Nhà máy Tiên Sơn - Bắc Ninh

MÃ CHỨNG KHOÁN: RDP

Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Nhựa *Rạng đông*
Tên tiếng Anh : Rang Dong Plastic Joint - Stock Company.
Tên viết tắt : RDP JSC.
Mã chứng khoán : RDP
Vốn điều lệ : 156.921.140.000 đồng.
Trụ sở chính : 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 39692272 – 39606642
Fax : (84-8) 39692843
Email : nhuarangdong@rdplastic.vn
Website : <http://rdplastic.com.vn/> và <http://aomuarangdong.com>
Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế: **0300384357**



MỤC LỤC

1. THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

2. THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN. (2014/2015)

3. NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHỰA RẠNG ĐÔNG.

* CƠ HỘI NGÀNH NHỰA:

- Tổng quan kinh tế Việt Nam
- Vận hội mới cho hội nhập quốc tế
- Xu hướng ngành nhựa
- Nguyên vật liệu

* THÁCH THỨC NGÀNH NHỰA:

- Nguyên tắc xuất xứ nguyên vật liệu.
- Kỹ thuật công nghệ.
- Đầu tư nước ngoài FDI.
- Tiêu chuẩn môi trường.

* SỰ LINH HOẠT CỦA RẠNG ĐÔNG ĐỂ HẠN CHẾ CÁC THÁCH THỨC VÀ TẬN DỤNG ĐƯỢC CƠ HỘI:

- Đầu tư tài sản và công nghệ
- Nghiên cứu sản phẩm mới
- Mô rộng hợp tác liên doanh liên kết
- Dự án đầu tư quản lý hệ thống nguồn lực ERP-SAP
- Các chính sách về nhân sự hiện đại

4. TẦM NHÌN 2020

- Định hướng chiến lược
- Mô hình tập đoàn dự kiến
- Mô hình định hướng về hoạt động
- Dự báo tăng trưởng doanh thu

5. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Quá trình hình thành và phát triển.
- Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi.
- Ngành nghề kinh doanh chính
- 05 nhóm sản phẩm tiêu biểu
- Kênh phân phối.
- Vị thế công ty.
- Thông tin cổ đông, cổ phần.
- Quá trình tăng vốn điều lệ.
- Phân tích SWOT công ty.
- Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2015
- Giải pháp thực hiện.

6. BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Giới thiệu Ban Hội Đồng Quản Trị.
- Giới thiệu Ban Kiểm Soát.
- Cơ cấu quản lý và Sơ đồ tổ chức

7. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2015

- Báo cáo Quản trị Công ty.
- Báo cáo rủi ro.
- Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh 2015.
- Tình hình tài chính
- Báo cáo hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư.
- Các hoạt động môi trường và cộng đồng xã hội.
- Cam kết trách nhiệm
- Các giải thưởng và danh hiệu đạt được trong năm.

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THÔNG TIN LIÊN HỆ

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HỒ ĐỨC LAM
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

“Kính thưa Quý cổ đông, Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Nhựa **Rạng Đông**, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến toàn thể Quý cổ đông và tập thể các Cán bộ - Công nhân viên đã đồng hành cùng Nhựa **Rạng Đông** trong suốt thời gian qua.”

Quý cổ đông thân mến!
Trong năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã có những ứng phó khá tốt trước những biến động bất lợi của môi trường kinh tế bên ngoài nhờ chính sách kích cầu nội địa và tăng trưởng xuất khẩu. Tổng sản phẩm quốc nội GDP trong năm 2015 tiếp tục tăng và đạt 6,7% so với 2014, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.200 USD. Chỉ số giá tiêu dùng CPI có tốc độ tăng thấp nhất kể từ năm 2006 trở lại đây, bình quân mỗi tháng, CPI chỉ tăng 0,05%. Tình trạng lạm phát cũng có xu hướng giảm và dẫn đi vào ổn định.
Bên cạnh đó, hiệp định TPP được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích đáng kể cho Việt Nam. Các kết quả mô phỏng cho thấy trong vòng 20 năm tới TPP sẽ đóng góp thêm 8% GDP của Việt Nam, 17% giá trị xuất khẩu thực tế và 12% năng lực sản xuất. Đối với ngành Nhựa, giá dầu thô liên tục giảm, kéo theo giá nguyên liệu nhựa giảm mạnh, giúp các doanh nghiệp giảm được chi phí đầu vào. Tăng trưởng ngành nhựa năm 2015 là 10.3%, doanh thu toàn ngành đạt 13,9 tỷ USD. Tại thị trường nội địa, chỉ số bán lẻ duy trì đà phục hồi đã cộng hưởng đến những ngành công nghiệp phụ trợ, đặc biệt là ngành bao bì nhựa, chiếm tỷ trọng đến 39% doanh thu toàn ngành (~5,4 tỷ USD). Đây cũng là nhóm ngành có tốc độ tăng trưởng mạnh ở Việt Nam với mức tăng trung bình 20-25%/năm
Nhanh chóng tận dụng những cơ hội lớn của đất nước, bắt kịp xu hướng phát triển chung của toàn ngành, Nhựa **Rạng Đông** đã có những đổi mới quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hệ thống tổ chức bộ máy quản trị. Trong năm 2015, công ty đạt mốc doanh thu 1130 tỷ, lợi nhuận sau thuế là 60 tỷ đồng. Mục tiêu năm 2016 sẽ tăng 47,2%, đạt 1.648 tỷ đồng, trong đó nhóm sản phẩm Bao bì được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng mạnh: 68%, chiếm ~ 50% tổng doanh thu và đứng vào top 10 nhà sản xuất Bao Bì lớn nhất Châu Á vào năm 2018.
Đạt mục tiêu lớn và nỗ lực thực hiện, Nhựa **Rạng Đông** đã đầu tư “mạnh tay” cho hệ thống máy móc thiết bị: lắp đặt hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống máy thổi 5 lớp hiện đại bậc nhất Việt Nam. Dự án Nhà máy

Nhựa **Rạng Đông**- Long An được khởi công xây dựng vào cuối năm 2015, với hệ thống sản xuất đạt chuẩn quốc tế cùng hệ thống văn phòng 5 sao hiện đại thể hiện rõ quyết tâm xây dựng Nhựa **Rạng Đông** thành một tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề của Ban lãnh đạo công ty.
Song song với các hạn mục đầu tư cho công nghệ sản xuất, các kế hoạch nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng mạng lưới phân phối trong và ngoài nước cũng được Nhựa **Rạng Đông** chú trọng. Lễ ký kết hợp tác thương mại toàn diện Nhựa **Rạng Đông**- Sojitz (Nhật Bản) vào tháng 3/2016 tới là cơ hội lớn để các sản phẩm của Nhựa **Rạng Đông** tiến sâu hơn nữa vào các tập đoàn và doanh nghiệp Nhật Bản trong nước cũng như trên toàn thế giới, cùng một số thị trường khó tính khác.
Theo đó, sự phát triển bền vững đi đôi với trách nhiệm xã hội là mục tiêu Nhựa **Rạng Đông** luôn hướng tới. Trong năm 2015 và những tháng đầu năm 2016 vừa qua, Nhựa **Rạng Đông** đã có nhiều hoạt động cộng đồng ý nghĩa như: Đồng hành cùng bảo tuổi trẻ đóng góp ủng hộ chiến sĩ Hải đảo Trường Sa, hưởng ứng tham chương trình Hiến máu nhân đạo “Ngày Chủ Nhật Đỏ” Bảo Tiến Phong tổ chức, đồng hành cùng Hội Chữ Thập Đỏ tham gia chương trình Ấm Tình Mùa Xuân, trao nhà tình thương cho hộ nghèo trên địa bàn Quận 11,...
Với những thành công đã đạt được, chúng ta có quyền tin tưởng vào những đột phá mới trong năm 2016. Khởi đầu năm mới trong tâm thế đầy hy vọng, Nhựa **Rạng Đông** quyết tâm hoàn thành và vượt tất cả các mục tiêu đã đề ra.
Kính chúc quý cổ đông cùng gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Hồ Đức Lam



THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Tổng lợi nhuận trước thuế

77.44 Tỷ

tăng hơn 262% so với cùng kỳ năm 2014.

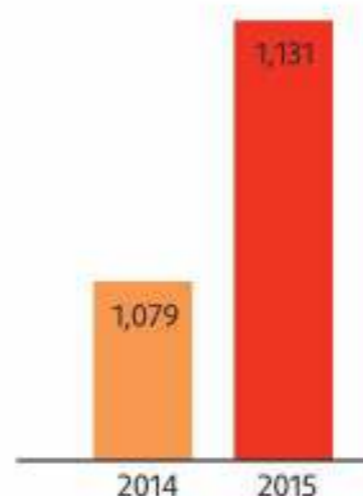


Kết quả kinh doanh

	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,130,769,466,183	1,079,624,856,893
Tổng lợi nhuận trước thuế	77,444,804,227	29,567,617,955

Bảng Cân Đối Kế Toán

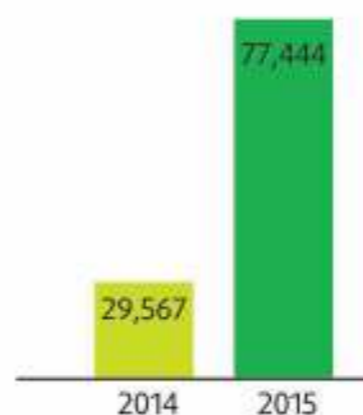
	2015	2014
1. TỔNG TÀI SẢN	765,761,070,192	745,913,240,554
- Tài sản ngắn hạn	392,762,199,605	429,421,921,941
- Tài sản dài hạn	372,998,870,587	316,491,318,613
2. TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	46.3,620,998,523	501,241,168,287
- Nợ ngắn hạn	370,620,998,523	438,755,674,225
- Nợ dài hạn	92,796,571,824	62,485,494,092
3. NGUỒN VỐN	302,343,499,845	244,672,072,267
- Nguồn vốn chủ sở hữu	302,343,499,845	244,672,072,267
TỔNG NGUỒN VỐN	765,761,070,192	745,913,240,554



TỔNG DOANH THU
(ĐVT: tỷ đồng)

↑ 5%

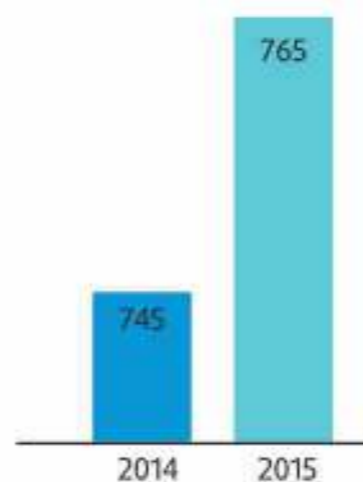
so với năm 2014.



TỔNG LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ
(ĐVT: tỷ đồng)

↑ 262%

so với năm 2014.



TỔNG NGUỒN VỐN
(ĐVT: tỷ đồng)

↑ 3%

so với năm 2014.



NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA NHỰA RẠNG ĐÔNG

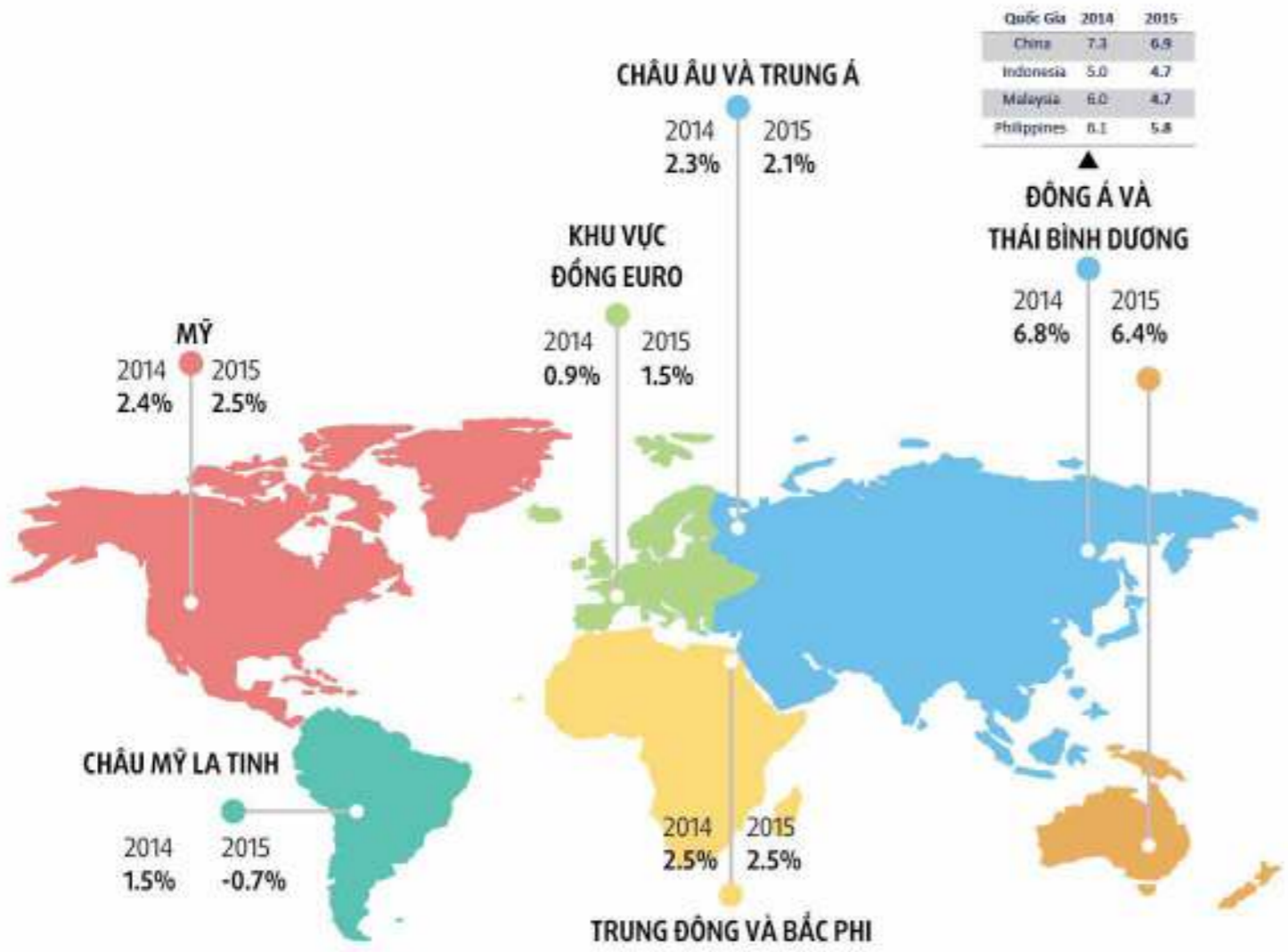


NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

1. CƠ HỘI NGÀNH NHỰA

1.1 TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM:

Sự phát triển của các nền kinh tế và sự thất vọng chủ yếu từ sự đi xuống của các quốc gia mới nổi
 GDP thực tế tăng trưởng: Thế giới: 2.4% (giảm -0.2% so với năm 2014)



Lưu ý: Châu Âu và Trung Á chỉ bao gồm các nước đang phát triển trong khu vực, khu vực đồng Euro để cập đến các quốc gia có thu nhập cao.

Nguồn: World Bank Group (2016) & Copyright©2016 Nielsen Company.

Kinh tế Việt Nam tăng, bất chấp khu vực suy thoái



- Phát triển nhất trong vòng 5 năm trở lại đây.
- Lĩnh vực chế biến và sản xuất là yếu tố tăng trưởng chính +10.6%



- FDI giải ngân tăng +17.4%
- Tăng trưởng tiêu dùng cuối cùng tăng lên mức +9.1%, so với tốc độ tăng trưởng của +6.2% trong năm 2014

Nguồn dữ liệu: cục thống kê năm 2015
 Copyright©2016 Nielsen Company.

Việt Nam duy trì xuất khẩu tăng, trong khi các nước láng giềng giềng bị ảnh hưởng bởi Trung Quốc bị suy thoái

- Việt Nam là nơi hấp dẫn thu hút các nguồn vốn đầu tư
 - + Lợi thế địa lý
 - + Chi phí lao động thấp
 - + Chi phí điều hành thấp
 - + Tham gia nhiều hiệp định thương mại: TPP, AEC
- Gia tăng cạnh tranh xuất khẩu: nhờ sự mất giá Việt Nam đồng của nhà nước Việt Nam 3 lần vào năm 2015

% Xuất khẩu tăng trưởng, thúc đẩy các Công Ty Nước Ngoài đầu tư vào Việt Nam



Nguồn dữ liệu: Channel NewsAsia (2015)
 Copyright©2016 Nielsen Company.

Tuy nhiên, xuất khẩu & nhập khẩu đang cân bằng

THÂM HỤT THƯƠNG MẠI - 3.2 TỶ USD

Sau 3 năm thặng dư thương mại
 Được dẫn dắt bởi ngành kinh doanh địa phương, trong khi các công ty nước ngoài đầu tư gửi thặng dư thương mại



Nguồn dữ liệu: General Statistics Office (2016)
 Copyright©2016 Nielsen Company.

Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tăng 3 điểm trong Q4'15

Việt Nam là một trong 6 nước lạc quan nhất trên toàn cầu



Nguồn dữ liệu: Nielsen Global Survey, Consumer Confidence Section - Q4'15
 Copyright©2016 Nielsen Company.

1.2: VẬN HỘI MỚI CHO HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Đang mở ra cơ hội bùng nổ toàn chuỗi đối với các Công ty sản xuất công nghiệp phụ trợ Việt Nam như:
 + Bao bì cho ngành thực phẩm
 + Nguyên phụ liệu ngành may mặc - da/giày
 + Vật tư nông nghiệp, gia dụng ...

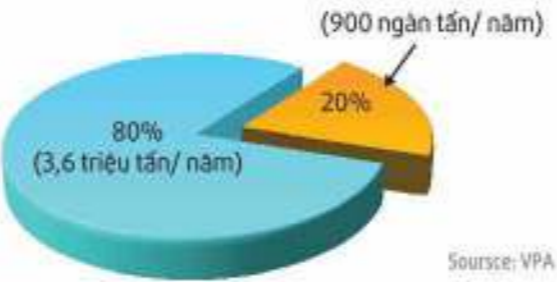


1.3: XU HƯỚNG ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG NHỰA:



- Nguồn tài nguyên đang dần bị cạn kiệt, thế giới có xu hướng đang dần chuyển đổi thay thế các vật liệu khác như gỗ, kim loại, da thuộc... bằng vật liệu nhựa.
- Khả năng TÁI SINH: Với sự linh hoạt về cấu trúc liên kết hóa học để tạo ra nhiều tính năng phù hợp thay thế các vật liệu khác.
- Khả năng TẠO DÁNG SẢN PHẨM: Nhựa là vật liệu chuyển đổi từ thể rắn => sang thể lỏng => sang lại thể rắn bởi nhiệt hóa. Do đó chúng ta có thể tạo ra sản phẩm bất kỳ thông qua khuôn mẫu.

1.4: NGUYÊN VẬT LIỆU NHỰA



● Nguyên liệu nhập khẩu
 ● Nguyên liệu nội địa

- NỘI ĐỊA: Nhựa PVC, PET có 2 nhà máy sản xuất với năng lực 300,000 tấn/ năm. Nhựa PP có Dung Quất, Quảng Ngãi sản xuất 150,000 tấn/năm, NM Nghi Sơn sẽ hoạt động chính thức 2017 với sản lượng 400,000 tấn PP/năm.
- NHẬP KHẨU: chủ yếu từ Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Arab Saudi, Nhật, Malaysia.

Tại Việt Nam, nhu cầu sản phẩm nhựa tiêu thụ của 1 người 41 kg/ năm, khối lượng bán hàng lên tới 4,2 triệu tấn.

Bên cạnh đó nhu cầu đối với NHỰA tại các nước phát triển rất cao, điều này dẫn đến kỳ vọng mức tiêu thụ nhựa bình quân đầu người tại Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới.

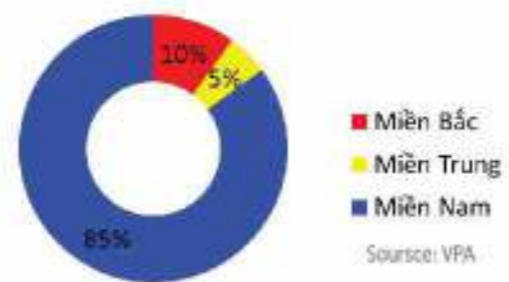


So với năm 1990, nhu cầu nhựa bình quân đầu người chỉ đạt 3,8 kg/ năm đến nay đạt 41 kg/ năm. Mức tăng trưởng cho thấy nhu cầu ngành nhựa trong nước đang gia tăng rất nhanh.



Doanh Nghiệp Nhựa Việt Nam Theo Địa Lý

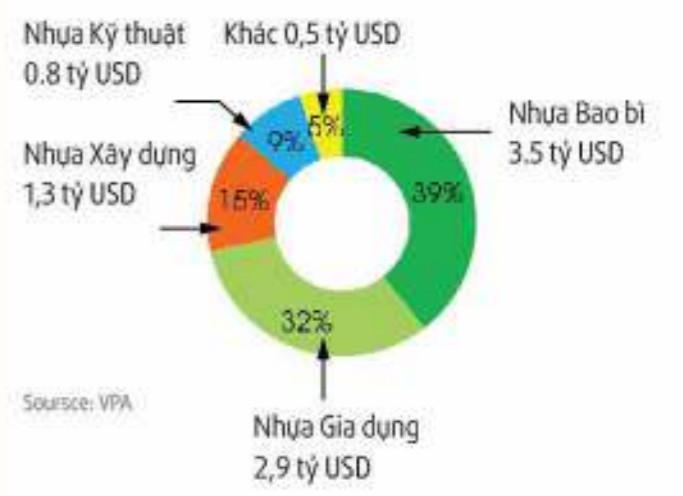
Việt Nam có 2000 Doanh nghiệp sản xuất nhựa tập trung chủ yếu Khu vực Miền Nam, đặc biệt với hơn 99,8% là doanh nghiệp tư nhân



Doanh thu ngành nhựa VN và tăng trưởng 2013/2014/2015



Cơ cấu tỷ trọng NGÀNH NHỰA VN 2015



Theo P. Thương Mại Mỹ tại VN, sản xuất bao bì tại VN vẫn duy trì tăng trưởng 15-20%/ năm

NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

2. THÁCH THỨC NGÀNH NHỰA

Hội nhập là xu hướng tất yếu và được kỳ vọng sẽ mở ra những cơ hội, đồng thời tạo động lực để năng động hóa, bền vững hóa và cải thiện năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, trước khi hưởng những “trái ngọt”, có rất nhiều “thách thức” mà các doanh nghiệp phải vượt qua.

2.1. HÀNG RÀO VỀ NGUYÊN TẮC XUẤT XỬ:

- Tình trạng phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu của ngành chất dẻo và đồ nhựa của Việt Nam vẫn còn rất nặng nề.
- Doanh nghiệp nhựa Việt Nam chỉ mới nhận được lợi thế lớn nhất từ Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hàn Quốc và Hiệp định Thương mại Việt Nam – Nhật Bản. Bởi với các hiệp định thương mại này không xét đến yếu tố nguyên liệu nhập khẩu, khi xuất khẩu sang Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ được nhận mức thuế ưu đãi 5% – 0%. Trong khi với các hiệp định khác, hàng xuất khẩu muốn được hưởng ưu đãi thuế thì phải đảm bảo quy tắc xuất xứ nguyên liệu sản xuất.



2.2. HÀNG RÀO KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ:

- Phần lớn nhất của ngành nhựa Việt Nam là công nghệ sản xuất lạc hậu. Do sản phẩm của Việt Nam đứng ở phân khúc thấp nên đa phần các doanh nghiệp ít chú trọng đến việc đầu tư công nghệ hiện đại. Điều này gây khó khăn lớn cho các sản phẩm nhựa của Việt Nam để vượt qua những hàng rào kỹ thuật. Đặc biệt, khi hàng rào thuế quan bị xóa bỏ, các nước sẽ có xu hướng gia tăng các hàng rào kỹ thuật một cách hợp lệ để ngăn chặn nhập khẩu ở ạt hàng hóa từ nước khác. Cuộc cạnh tranh của hàng nhựa Việt Nam với hàng nhựa các nước khác sẽ gặp áp lực lớn từ các tiêu chuẩn về kỹ thuật và vệ sinh, an toàn sản phẩm.



2.3. HÀNG RÀO VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (FDI)

- Trong ngành nhựa, bên cạnh sự tập trung các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong cùng lĩnh vực cũng đồng nghĩa với việc vốn, công nghệ của các doanh nghiệp khá hạn chế nên sẽ chịu áp lực cạnh tranh mạnh trước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn đang có thế mạnh về kỹ thuật, kinh nghiệm thị trường.
- Bên cạnh đó việc hội nhập mang đến một làn sóng đầu tư lớn vào ngành nhựa, đây có thể là cơ hội để giải quyết công ăn việc làm, chuyển giao công nghệ... Nhưng nếu là các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài thì đây lại là một sức ép cạnh tranh rất lớn đối với các doanh nghiệp nhựa trong nước. Thách thức rất lớn này buộc các doanh nghiệp trong nước phải liên kết với nhau, qua nhiều hình thức khác nhau để nhanh chóng đầu tư, nâng cấp năng lực cạnh tranh trên quy mô lớn của ngành.

2.4. HÀNG RÀO VỀ TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

- Xu hướng các thị trường nhập khẩu đặt ra các quy định về môi trường ngày càng phổ biến hơn. Các cam kết về môi trường cũng trở thành xu hướng trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã và đang tham gia đàm phán và kí kết.
- Đây là một thách thức không nhỏ đối với ngành nhựa, nhất là khi các doanh nghiệp chưa có thói quen thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, trước mắt và trong dài hạn. Tuy nhiên, “khó đầu, dễ sau”, một khi quy trình sản xuất đã được thiết lập theo hướng bảo vệ môi trường, ngành nhựa sẽ phát triển theo hướng bền vững hơn và đáp ứng tốt hơn các quy định về kỹ thuật.
- Hiện nay, ngành nhựa ở một số quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan đã đón đầu xu hướng tiêu dùng của thế giới bằng cách hướng tới sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ sinh học, thân thiện với môi trường.



NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

3. SỰ LINH HOẠT CỦA RẠNG ĐÔNG ĐỂ HẠN CHẾ CÁC THÁCH THỨC VÀ TẬN DỤNG ĐƯỢC CƠ HỘI:

Với chiến lược tập trung đầu tư cho dài hạn, có thể nói Nhựa **Rạng Đông** từng bước khẳng định vị thế, bước qua từng rào cản để cùng hội nhập với thị trường ngành nhựa thế giới.

3.1. ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ TÀI SẢN:

Tổng giá trị đầu tư **534 Tỷ** (bao gồm nhà máy nhựa Long An, chưa có giai đoạn 2 nhà máy Tiên Sơn)
TÀI SẢN 2016-2017

Với kế hoạch chiến lược đầu tư dài hạn cuốn chiếu nhằm chuẩn bị năng lực sản xuất cho từng bước hội nhập sắp tới, Công ty thận trọng trong việc chọn lựa đối tác chuyển giao công nghệ phù hợp với nhu cầu tiêu chuẩn thị trường cũng như chi phí sản xuất hợp lý để tạo lợi thế cạnh tranh.

Hướng đến mục tiêu Top 10 bao bì nhựa Châu Á, một nhà máy sản xuất bao bì đạt tiêu chuẩn HACCP sẽ hoàn thiện 2017 cùng máy móc công nghệ hiện đại, hứa hẹn đáp ứng nhu cầu sản lượng đang tăng dần của các đối tác Nhật đạt ra đến 2020, cho thỏa thuận liên kết thương mại phân phối hàng hóa của nhựa **Rạng Đông**

STT	DỰ ÁN	KẾ HOẠCH 2015 (đồng)	THỰC HIỆN 2015 (đồng)	THỰC HIỆN (%)
A	NHÀ MÁY BAO BÌ SỐ 1	11,700,000,000	5,257,350,000	
1	Máy tạo hạt phế liệu PE -Recotrim	1,350,000,000	1,241,100,000	92%
3	Máy chia cuộn 400 m/p	3,375,000,000	3,150,000,000	93%
2	Máy cắt dán túi 4 cạnh	5,400,000,000		
4	Máy đánh bóng trực in	1,575,000,000	866,250,000	55%
B	NHÀ MÁY NHỰA 1	2,520,000,000	2,137,500,000	
1	Dàn quấn trung tâm bề mặt cho HT cán 5	2,250,000,000	2,137,500,000	95%
2	Máy dẹt nước vải soixo	270,000,000		
C	NM Nhựa Tiên Sơn	22,500,000,000	20,981,250,000	
1	Máy thổi 3 lớp PE co	22,500,000,000	20,981,250,000	
TỔNG CỘNG (A + B + C)		36,720,000,000	28,376,100,000	77%

Tổng giá trị đầu tư Công nghệ năm 2015 **28.37 Tỷ** (~ 77 % so với kế hoạch 2015)

Dự án đầu tư lớn nhất trong 2015 của Nhựa **Rạng Đông** là xây dựng NM Nhựa **Rạng Đông** Long An.
Tổng giá trị đầu tư Nhà máy Nhựa **Rạng Đông** Long An

23 Triệu USD

(với tổng diện tích 87,000 m² tại Khu công Nghiệp Tân Đô - Long An, bao gồm 3 nhà xưởng)

Trong đó nhà xưởng thứ 3 dùng để sản xuất Bao bì mềm đạt tiêu chuẩn HACCP với diện tích 15,000 m², dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động trong tháng 12/2016



NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

3. SỰ LINH HOẠT CỦA RẠNG ĐÔNG ĐỂ HẠN CHẾ CÁC THÁCH THỨC VÀ TẬN DỤNG ĐƯỢC CƠ HỘI:

3.2. NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM MỚI:

Để chủ động công tác đưa ra kết quả nghiên cứu và kiểm định đạt chất lượng theo tiêu chuẩn khách hàng, Nhựa **Rạng Đông** đang từng bước đầu tư hoàn chỉnh các thiết bị đo lường kiểm nghiệm kỹ thuật cao như: Máy đo độ thấm thấu hơi nước, máy đo độ thấm thấu oxy, máy đo màu XRITE, máy đo cường độ lực, máy đo màu quang phổ, máy đo sắc ký.

Trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ hoàn thiện thủ tục cấp phép Trung tâm nghiên cứu R&D đạt chuẩn. Năm 2015, với hơn 100 sản phẩm mới, công thức mới được R&D đầu tư nghiên cứu tạo ra giúp cho Nhựa **Rạng Đông** đón đầu xu hướng thị trường và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các thị trường xuất khẩu khó tính như: Mỹ, Nhật, Canada, Hàn Quốc, ...

STT	Hạng mục
SẢN PHẨM MỚI GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG	
01	Nghiên cứu tạo ra sản phẩm trải bàn 3D sản xuất đầu tiên tại Việt Nam
02	Giả da PVC kháng lạnh, kháng UV 650 giờ trên nền vải thun 4 chiều ứng dụng cho yên xe thể thao.
03	Sản phẩm giả da với cấu trúc micro suede giống da thật
04	Sản phẩm giả da PVC đạt tiêu chuẩn hóa: kháng cháy theo tiêu chuẩn: MVSS302, CATB 117, IMO A652.1, UFAC class1, NFPA 260:2013
05	Sản phẩm giả da PVC đạt tiêu chuẩn sinh học: kháng nấm ASTM G21, kháng khuẩn AATCC 147, kháng pink stain ASTM 1428
06	Phát triển mẫu mới Giả Da: 113 mẫu (vân, hoa, màu sắc) đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu như Mỹ, Nhật, Nam Phi, Hàn Quốc, Canada
07	Sản phẩm giả da có khả năng lau sạch (cleanable) các vết bẩn như: bút sáp, dạ quang, son môi, bút bi ...
SẢN PHẨM CẢI TIẾN GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG	
01	Phát triển một số sản phẩm giả da PU trên nền PU base cho ứng dụng: giày dép sandal, giày thể thao, túi xách, salon để cung cấp nguyên vật liệu da giày cho các doanh nghiệp FDI.
02	Cải tiến tính năng sản phẩm giả da: đạt scrub test, kháng lạnh -40 ⁰ C theo tiêu chuẩn CFFA
03	Phát triển dòng vải Terry loop kết hợp giữa sợi spun và sợi filament
04	Sản phẩm bột PVC cốt sợi thủy tinh

Tổng giá trị đầu tư Nghiên cứu & phát triển sản phẩm 2015

4.18 Tỷ

Trong lĩnh vực đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để dẫn đầu xu hướng thị trường, năm 2016 nhựa **Rạng Đông** tiếp tục tăng ngân sách cho khoản chi phí này được xem là tất yếu cho hướng phát triển trong tương lai.

Tổng giá trị đầu tư Nghiên cứu & phát triển sản phẩm 2016

6.4 Tỷ

(dự kiến tăng 53% so với kế hoạch 2015)



STT	Hạng mục
SẢN PHẨM MỚI	
01	Nghiên cứu sản phẩm Giả da PU ướt
02	Nghiên cứu dòng sản phẩm màng EVA trong phục vụ thị trường xuất khẩu.
03	Nghiên cứu đầu tư công nghệ dệt thun 4 chiều phục vụ dòng sản phẩm giả da.
04	Phát triển sản phẩm Giả da cán TPU cho car seat
05	Nghiên cứu các sản phẩm công nghệ ép phun
06	Đầu tư dự án Decal
SẢN PHẨM MỚI BAO BÌ	
01	Nghiên cứu sản phẩm nhân giấy metalize phục vụ ngành đồ uống, bia.
02	Sản phẩm PE 3 lớp phục vụ ngành màng dính bảo vệ linh kiện điện tử.
03	Sản xuất các cấu trúc mới của màng ghép
04	Nghiên cứu sản xuất mới màng in chuyển nhiệt, phục vụ ngành văn phòng phẩm, gia dụng.
SẢN PHẨM CẢI TIẾN BAO BÌ	
01	Cải tiến độ dày màng ghép phục vụ bao bì ngành cà phê
02	Cải tiến cấu trúc đáy cho túi phục vụ ngành thực phẩm.
03	Cải tiến độ trơn PE co 3 lớp phục vụ ngành nước suối đóng chai.
04	Cải tiến varnish màng nắp sữa chua và nhãn đóng chai có UV phục vụ ngành sữa.
CẢI TIẾN NGUYÊN LIỆU GIẢ DA VÀ MÀNG NHỰA MỎNG	
01	Cải tiến nguyên liệu tăng độ bền mài mòn - chà xát 1.5 triệu vòng.
02	Nghiên cứu công thức Giả da chịu tác động ánh sáng mặt trời (bền UV): 650 giờ.
03	Giả da chịu môi trường khí ẩm, độ lạnh cao, môi trường nước mặn.
04	Giả da Kháng khuẩn, kháng nấm mốc
05	Giả da Kháng chậm cháy.
06	Giả da có Bề mặt cuộn thoải mái, tính năng dễ lau sạch (cleanable)
07	Giả da có khả năng chống lão hóa (anti hydrolysis) cho PU
CẢI TIẾN NGUYÊN LIỆU BAO BÌ	
01	Nghiên cứu cải tiến công thức thủ hạt tinh điện mới.
02	Thử nghiệm công thức nguyên liệu mới, thêm tính năng và chất lượng sản phẩm thay thế.

NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

3. SỰ LINH HOẠT CỦA RẠNG ĐÔNG ĐỂ HẠN CHẾ CÁC THÁCH THỨC VÀ TẬN DỤNG ĐƯỢC CƠ HỘI:

3.3. MỞ RỘNG HỢP TÁC LIÊN DOANH LIÊN KẾT:

Với định hướng mở rộng doanh nghiệp sản xuất nhanh chóng đầu tư sang một số lĩnh vực khác, các thương vụ M&A cũng đang được Bộ phận đầu tư tài chính - Nhựa **Rạng Đông** thẩm định để Hội đồng quản trị cân nhắc lựa chọn.

Bên cạnh đó việc khai thác năng lực sản xuất cùng hiệu suất sử dụng máy tối ưu đặc biệt được chú trọng. Vừa qua Nhựa **Rạng Đông** đã ký kết hợp tác thương mại toàn diện với Sojitz-Planet (thuộc tập đoàn Sojitz - Nhật Bản). Hai bên sẽ thành lập đội đặc nhiệm bán hàng (task force team) để thúc đẩy phân phối các mặt hàng chủ lực của Nhựa **Rạng Đông** như: Bao bì phức hợp, giả da, màng nhựa PE/EVA, áo mưa và nguyên liệu nhựa vào các Tập đoàn/ Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới.

Song song, Sojitz-Planet sẽ tư vấn cho Nhựa **Rạng Đông** các giải pháp về công nghệ, hệ thống quản lý và phát triển sản phẩm mới theo tiêu chuẩn Nhật Bản.



NGÀNH NHỰA: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỰA RẠNG ĐÔNG

3. SỰ LINH HOẠT CỦA RẠNG ĐÔNG ĐỂ HẠN CHẾ CÁC THÁCH THỨC VÀ TẬN DỤNG ĐƯỢC CƠ HỘI:

3.4. DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUẢN LÝ HỆ THỐNG NGUỒN LỰC ERP-SAP

Việc chia sẻ dữ liệu cùng một hệ thống nhanh chóng và chuẩn xác thông tin phục vụ cho việc xử lý, công tác vận hành từ trụ sở chính qua nhiều nhà máy và ngược lại là rất cần thiết. Nhằm đảm bảo điều đó, Nhựa **Rạng Đông** đã đầu tư Dự án quản lý hệ thống nguồn lực ERP-SAP All in one, dự án này đã bắt đầu khởi động từ cuối năm 2015, với quyết tâm của Ban dự án cùng đội ngũ nhận lực sẽ hoàn thiện và dự kiến go-live trong năm 2016.



3.5. CÁC CHÍNH SÁCH VỀ NHÂN SỰ HIỆN ĐẠI



- Chương trình cổ phiếu thưởng ghi nhận thành tích đóng góp nhân viên - TRACK RECORD
- Chương trình cổ phiếu thưởng theo mục tiêu kinh doanh - OGSM/ KPIs
- Quyền chọn mua cổ phiếu - STOCK OPTION



TẦM NHÌN 2020



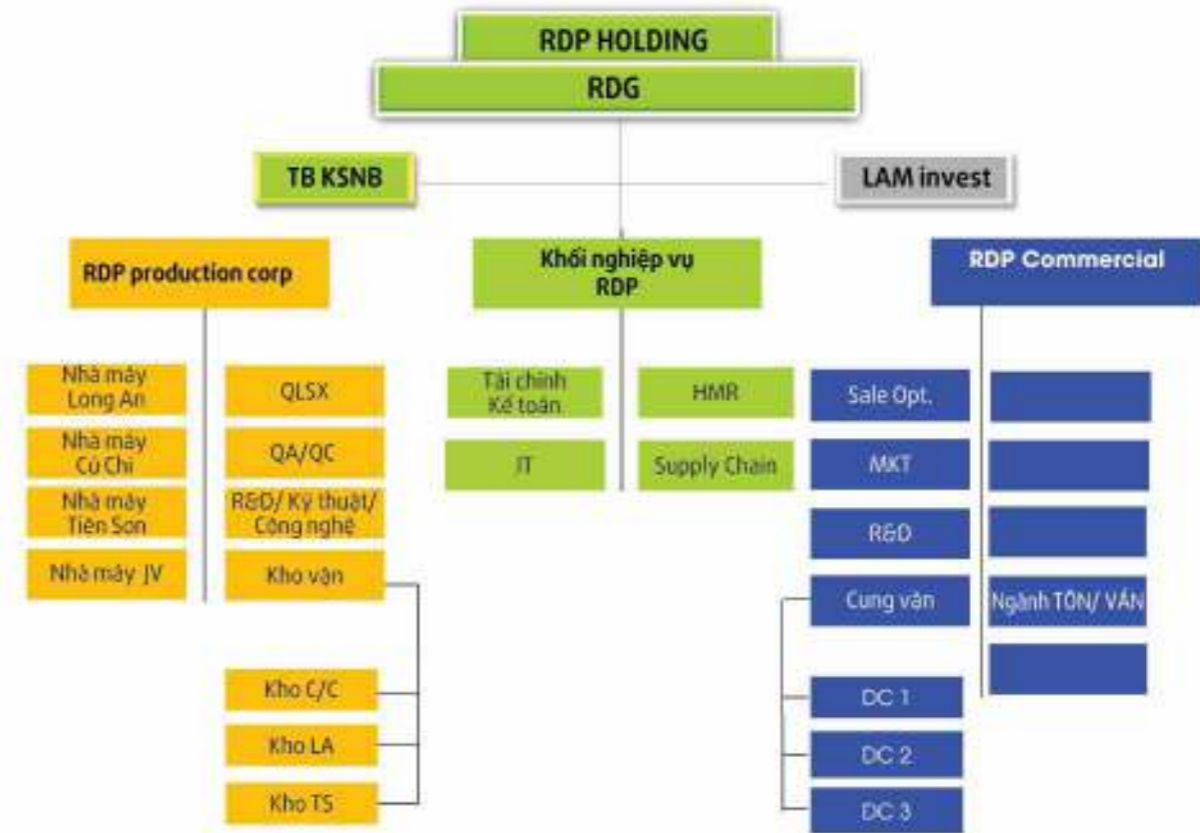
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Tập Đoàn Dẫn Đầu Ngành Nhựa Việt Nam

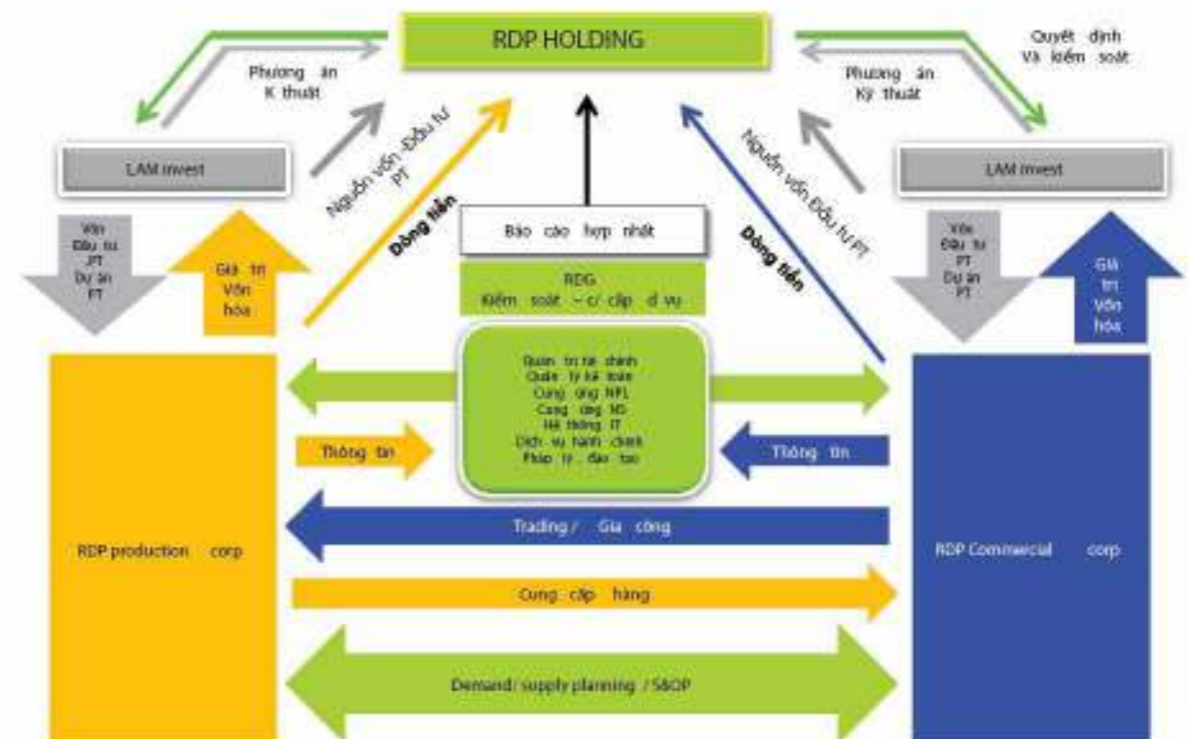


MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN DỰ KIẾN

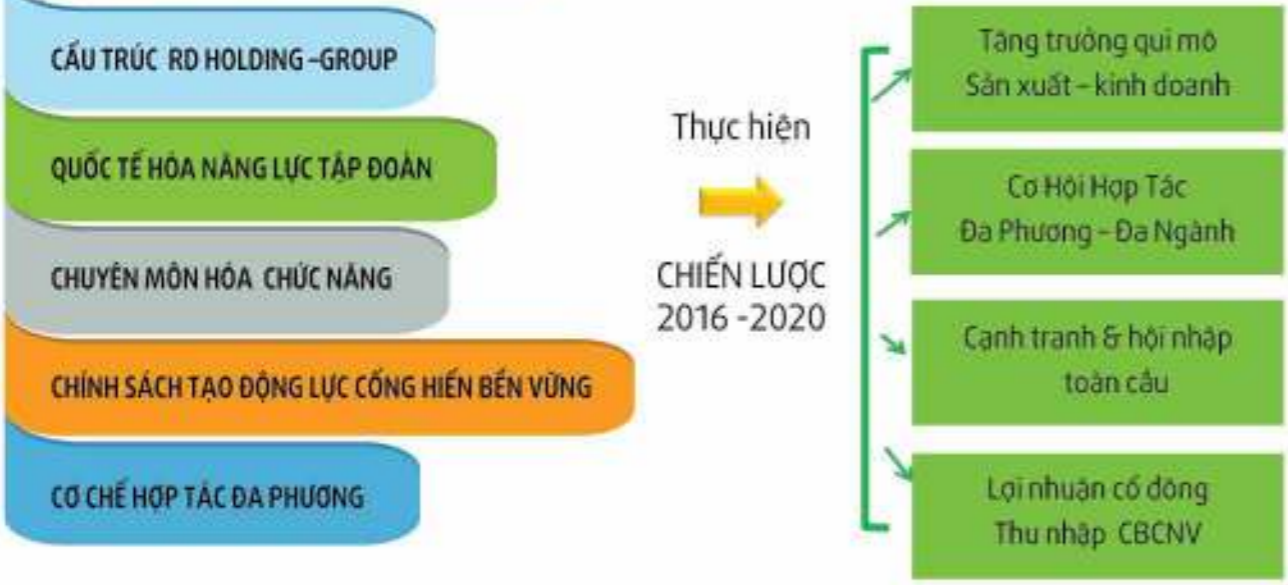
Cấu Trúc Tập Đoàn Rạng Đông 2016-2020



Mô hình định hướng về hoạt động



05 ĐỔI MỚI TỔ CHỨC



MÔ HÌNH ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC:

Tiếp tục định hướng mục tiêu để trở thành một thương hiệu nhựa hàng đầu tại Việt Nam, và nằm trong top 10 nhà sản xuất Bao Bì Nhựa Châu Á vào năm 2020.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP:

- Năm 2016, toàn công ty cùng nỗ lực vận hành golive phần mềm quản lý hệ thống nguồn lực SAP-ERP, chuẩn bị cho bước phát triển hướng đến tổ chức tập đoàn đa ngành.

- Tạo môi trường làm việc tốt nhất để nhân viên phát huy hết năng lực cống hiến vào sự phát triển chung của công ty bằng các chính sách đãi ngộ đặc sắc như: ESOP / cổ phiếu phát hành, tạo môi trường phát triển sự nghiệp, cơ hội cho nhân viên tham gia cổ phần, được đào tạo nâng cao năng lực và hỗ trợ mua Nhà và Xe trả góp.

KHÁCH HÀNG:

- Giữ vững mức tăng trưởng với các khách hàng trọng điểm bằng những chính sách kinh doanh "GẮN KẾT CÙNG PHÁT TRIỂN".

- Hoàn thành chỉ tiêu theo lộ trình trong bản ký kết hợp tác thương mại toàn diện Nhựa Rạng Đông - Sojitz Planet (thuộc tập đoàn Nhật Bản).

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀI SẢN:

- Năm 2016, các dây chuyền công nghệ máy móc hiện đại sản xuất Giỏ da, màng nhựa và bao bì được nhập về để lắp đặt vận hành nhà máy mới "Nhà máy nhựa Rạng Đông Long An".

- Tiếp tục mở rộng sản lượng đáp ứng nhu cầu thị trường phía Bắc, nhà máy nhựa Tiên Sơn sẽ được đầu tư thêm dây chuyền máy thổi 3 lớp Macchi - nhập từ Ý, đồng thời mở rộng diện tích nhà xưởng, triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 2, dự kiến hoàn thiện năm 2017.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG DOANH THU



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC 2016





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



ĐẦU THẬP NIÊN 60
Được thành lập với tên UFEIOC (liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp).



1963-1975
Nhập khẩu máy cán, dây chuyền máy trộn đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại giả da PVC, PU xốp, khăn trải bàn, màng mỏng PVC, vải trắng PVC, PU, vải dù chống thấm.

1985-1995
Đổi tên thành Công ty Nhựa **Rạng Đông**

1996
Thành lập chi nhánh công ty tại Hà Nội

1999
Thành lập NMMhựa 6

2003
Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Công Nghiệp. Đồng thời nhận chứng chỉ ISO 9001-2000.



2006
Xây dựng lại trụ sở chính tại Quận 11 - Tp.HCM

05/2014
Công ty Cổ phần hóa và thoái vốn Nhà Nước

2014
Xây dựng Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh. Đến tháng 04/2014, đón nhận Giấy chứng nhận ISO 14001:2004



2009
Xây dựng NM Bao Bì Số 1 tại Củ Chi - Tp.HCM



1962
Đổi tên thành UFIPLASTIC Company.



11/1977
Chuyển thành nhà máy nhựa **Rạng Đông** trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm, Bộ Công Nghiệp nhẹ



1993
Thành lập NM Nhựa Học Môn, chuyên sản xuất bao bì



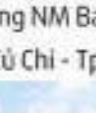
1997
Thành lập NM Nhựa Nha Trang, tại Nha Trang - Khánh Hòa



2000
Thành lập chi nhánh công ty tại Nghệ An



02/05/2005
Công ty được Cổ phần hóa, chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng Đông**



07/2015
Triển khai hệ thống quản lý nguồn lực ERP-SAP

2015
Xây dựng Nhà máy Nhựa Rạng Đông Long An.

05/2014
Công ty Cổ phần hóa và thoái vốn Nhà Nước

2014
Xây dựng Nhà máy Nhựa Tiên Sơn tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh. Đến tháng 04/2014, đón nhận Giấy chứng nhận ISO 14001:2004

2009
Xây dựng NM Bao Bì Số 1 tại Củ Chi - Tp.HCM





TẦM NHÌN

Xây dựng công ty trở thành một thương hiệu hàng đầu Việt Nam, khu vực và đẳng cấp trong lĩnh vực sản xuất màng mỏng, giả da và bao bì mềm.

SỨ MỆNH

Sản xuất và cung ứng các sản phẩm nhựa với chất lượng cao nhất, hiệu quả nhất, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, đối tác, người lao động, cổ đông và xã hội



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- 1. SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ PLASTIC**
 Sản xuất hàng nhựa gia dụng, sản xuất hàng nhựa kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuốc da tại trụ sở).
- 2. LẮP ĐẶT MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**
 Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- 3. CHUẨN BỊ MẶT BẰNG**
 San lấp mặt bằng
- 4. KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, QUYỀN SỬ ĐẤT THUỘC CHỦ SỞ HỮU, CHỦ SỬ DỤNG HOẶC ĐI THUÊ**
 Cho thuê văn phòng;
 Kinh doanh nhà.
- 5. TƯ VẤN, MÔI GIỚI, ĐẤU GIÁ BĐS, ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**
 Môi giới bất động sản
- 6.**
 Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn).
- 7. BÁN BUÔN CHUYÊN DOANH KHÁC CHƯA ĐƯỢC PHÂN ĐẤU VÀO**
 Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở);
 Mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách;
 Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).
- 8. HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHUYÊN DỤNG KHÁC**
 Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- 9. DỊCH VỤ LƯU TRỮ NGẮN NGÀY**
 Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở).
- 10. NHÀ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC VỤ LƯU ĐỘNG**
 Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở).
- 11.**
 Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan

5 NHÓM SẢN PHẨM



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

Rạng Đông

Since 1960

RDP

Luôn Luôn Tốt Hơn

ỨNG DỤNG 5 NHÓM SẢN PHẨM

Rang dong™ PlasPACKS

NHÓM BAO BÌ

	Màng PE co	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Màn co PE không in - Màn co PE có in, in từ 1-12 màu Năng lực sản xuất: hơn 15.000 tấn/năm
	Bao bì phức hợp	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Màn co PVC - Màn ghép tối đa 7 lớp - In từ 1- 12 màu Năng lực sản xuất: - 200 triệu m² màng phức hợp/ năm - 1.950 tấn màng co PVC/năm
	Tem nhãn giấy	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: Ứng dụng trong ngành: - Ngành bia rượu, thực phẩm... - Ngành nông dược phẩm - Ngành hóa mỹ phẩm
	Màng in chuyển nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - In chuyển nhiệt trong khuôn - In chuyển nhiệt bề mặt
	Màng bao phủ Pallet	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: Ứng dụng trong ngành: - Công nghiệp sx hạt nhựa, đồ chơi - Công nghiệp thực phẩm - Công nghiệp xây dựng - Giấy báo, tờ rời xuất khẩu...




Rang dong™ Syn-Leather

NHÓM GIẢ DA

	Giả da trang trí nội thất		Giả da chịu nhiệt ngoài trời		Giả da phụ kiện
	Giả da dụng cụ thể thao		Giả da đặt hàng theo yêu cầu		Giả da giày dép

Rang dong™ PlasFILMS

NHÓM MÀNG MỎNG

	Màng PVC	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Màn trong suốt, màn màu - Màn in hoa, 2 da - Màn phủ ruộng muối
	Màng PEVA, PE, EVA	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Màn EVA, EVA có in - Màn PE - Màn PEVA
	Màng tráng - ghép vải	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Vải tráng chống thấm - Vải tráng chậm cháy - Vải cán ghép nhựa - Bạt phủ

Rang dong™ PlasRIBBOARD

NHÓM TÔN VÁN

	Tôn	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Tấm lợp lấy sáng cho kho bãi, nhà phơi, làm mái hiên.....
	Ván	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm: - Vách ngăn trong gia đình/ văn phòng, tấm lót túi xách...

rd Since 1960

NHÓM SẢN PHẨM CHẾ BIẾN

		
---	---	---

KÊNH PHÂN PHỐI



B2B

Một số thương hiệu khách hàng nội địa



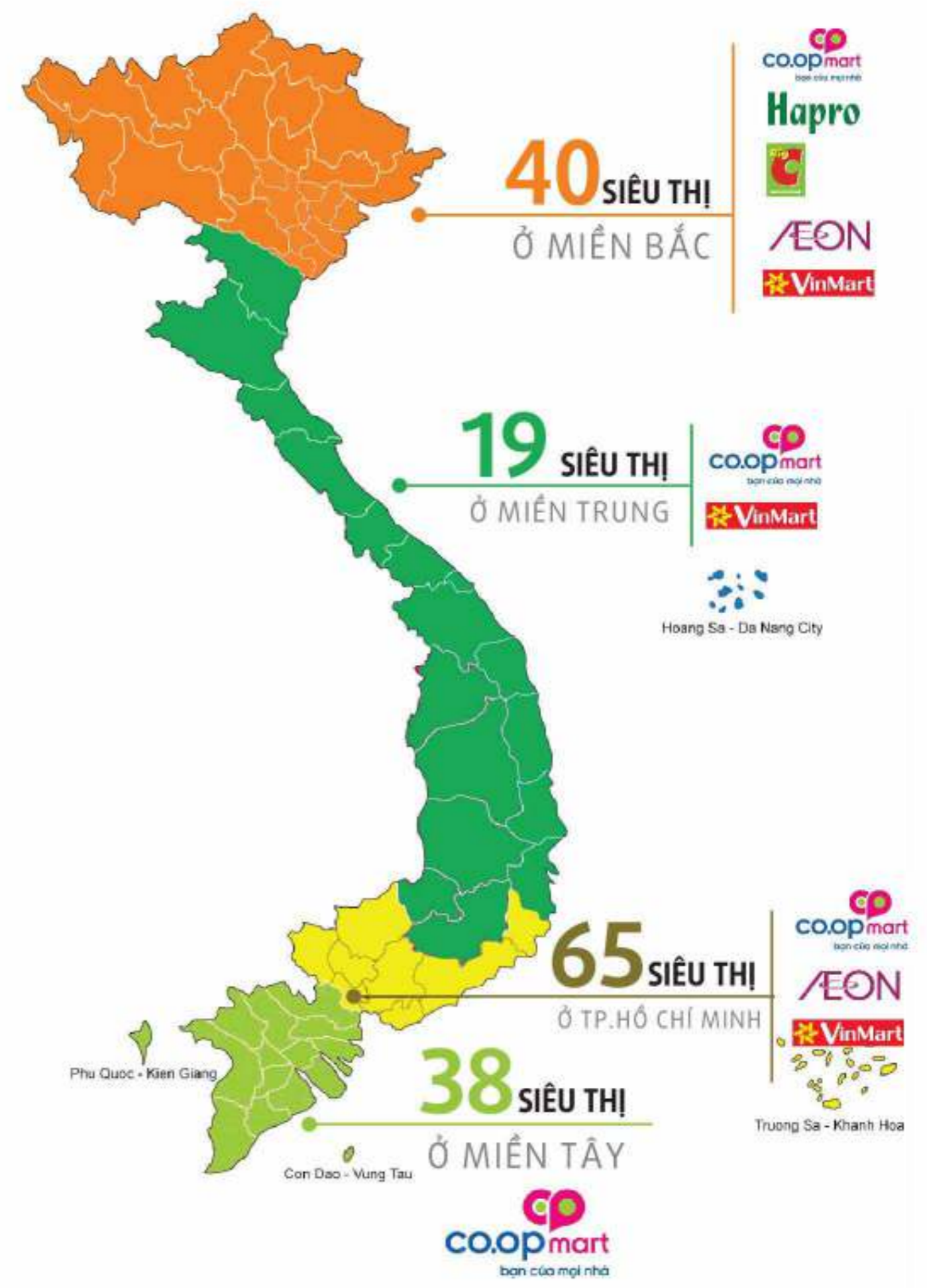
B2C

Kênh siêu thị



B2C

Các chợ đầu mối



XUẤT KHẨU

Các nước chủ lực **Rang dong** xuất khẩu đến như:
Nhật, Hàn Quốc, Đức, Hà Lan, Mỹ, Canada, Asean
và các nước châu Phi,...

51%

North America

34%

East Asia

34%

Africa

12%

Southeast Asia



VỊ THẾ CÔNG TY

TOP 1 NGÀNH NHỰA VIỆT NAM, TOP 10 NGÀNH BAO BÌ NHỰA CHÂU Á

Những mục tiêu cụ thể mà Nhựa **Rạng Đông** hướng đến để trở thành một thương hiệu nhựa hàng đầu tại Việt Nam, và nằm trong top 10 nhà sản xuất Bao Bì Nhựa Châu Á vào năm 2020, được đề ra như sau:

- Chủ động đổi mới, cải tiến công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Đầu tư thiết bị hiện đại cho Bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) để tạo ra những mẫu sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường.
- Xây dựng nền tảng sản phẩm & dịch vụ "Luôn luôn tốt hơn"
- Nâng cấp quản lý hệ thống bằng phần mềm ERP-SAP để chuẩn bị cho việc hội nhập và mở đường cho sản phẩm Nhựa Rạng Đông tham gia sâu hơn chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Liên kết thương mại phân phối sản phẩm với các cụm doanh nghiệp quốc tế.
- Đầu tư mở rộng sản xuất với các nhà máy có qui mô hiện đại đạt chuẩn quốc tế

Nhựa **Rạng Đông** công ty thành lập từ 1960, là công ty phát triển lâu đời nhất Việt Nam trong lĩnh vực Giấy da và màng nhựa mỏng. Công ty được niêm yết sàn giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh bắt đầu vào năm 2006. Và có giá trị vốn hóa trên thị trường vào thời điểm 31/12/2015 khoảng 22 triệu đô la Mỹ.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

~ 22 Triệu USD

(tính đến thời điểm 31/12/2015)

Nội Dung	ĐVT	Giá Trị
Vốn điều lệ của công ty	đồng	156,921,140,000
Mệnh giá 1 cổ phiếu	đồng	10,000
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	cổ phiếu	15,692,114
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	cổ phiếu	15,692,114
Giá trị vốn hóa thị trường	đồng	455,071,306,000

Nội Dung	Số Lượng Cổ Đông	Số Lượng Cổ Phiếu	% Vốn Điều Lệ
Tổng số cổ đông	753	15,692,114	100%
Cổ phiếu quỹ			
TỔNG	753	15,692,114	100%

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	738	15,641,145	99.68%
- Tổ chức	20	41,193	2.68%
- Cá nhân	718	15,599,952	97%
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	15	50,969	0.32%
- Tổ chức	02	12,522	0.04%
- Cá nhân	13	38,447	0.28%



● Cổ đông trong nước
● Cổ đông nước ngoài

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Thời Gian Phát Hành	Đối Tượng Phát Hành	Số Lượng Cổ Phiếu Phát Hành	Số Lượng Cổ Phiếu Sau Phát Hành	Vốn Điều Lệ Sau Phát Hành
01/2005	Vốn điều lệ ngay trước khi niêm yết		6,978,961	69,789,608,569
05/2005	Các cổ đông	1,269,039	8,248,000	82,480,000,000
06/2007	Các cổ đông	3,252,000	11,500,000	115,000,000,000
04/2014	Các cổ đông hiện hữu	2,765,744	14,265,744	142,657,440,000
08/2015		1,426,370	15,692,114	156,921,140,000



ĐIỂM MẠNH

- Là thương hiệu lâu đời và uy tín trong ngành nhựa Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất trên 50 năm.
- Mục tiêu xây dựng mô hình quản lý tập đoàn để thúc đẩy chuyên môn hóa từng chức năng như lĩnh vực đầu tư tài chính, lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực kinh doanh thương mại
- Công nghệ liên tục đầu tư và cải tiến. Nâng cao chính sách lao động giúp **Rạng đông** đứng ở vị trí tiên phong trong ngành, kịp thời tiếp thu, ứng dụng công nghệ sx tiên tiến của thế giới.
- Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác.
- Hệ thống chi nhánh trải khắp 3 miền, chính sách đại lý rõ ràng, công bằng, luôn thực hiện đúng các chế độ công bố, nhờ đó công ty đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm với công ty.
- Chính sách đầu tư hạ tầng thông tin Quản lý hệ thống nguồn lực ERP-SAP
- Đội ngũ nhân lực năng động, có trình độ chuyên môn cao và tâm huyết với công việc là tài sản quý báu để thúc đẩy **Rạng đông** ngày càng phát triển lớn mạnh.

ĐIỂM YẾU

- Ngành công nghiệp dệt, nhuộm Việt Nam không đầu tư phát triển, gây khó khăn cho nguồn nguyên phụ liệu đầu vào ngành Giã Da Nhựa **Rạng đông**.
- Nguồn sản phẩm Giã Da, Màng Nhựa, Trái Bàn nhập tiểu ngạch tạo cạnh tranh không lành mạnh cho nhựa **Rạng đông**.
- Chính sách sản xuất và vận chuyển chưa linh hoạt đối với các đơn hàng nhỏ lẻ, điều này càng gây khó khăn khi tiếp cận các khách hàng mới, đặt hàng thêm đơn.

PHÂN TÍCH S.W.O.T

CƠ HỘI

- Năm 2015, GDP Việt Nam tăng 6.7% (mức cao nhất trong 5 năm qua). Trong đó, tăng trưởng chính là lĩnh vực chế biến và sản xuất (+10.6%) dẫn đến cơ hội cho ngành bao bì phát triển.
- Việt Nam là nơi hấp dẫn thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhờ: lợi thế địa lý, chi phí lao động thấp, chi phí điều hành thấp. Các hiệp định thương mại được ký kết: TPP, AEC, EVFTA, là cơ hội mở rộng đối tác, thị trường cho các doanh nghiệp trong nước.
- Năm 2015 doanh thu ngành nhựa đạt 13,9 tỷ đô la Mỹ (tăng 16% so với 2014). Riêng ngành bao bì nhựa Việt Nam chiếm 39% với mức tăng trưởng cao nhất ngành nhựa từ 20-25%.
- Các sản phẩm nhựa **Rạng đông** như: Bao bì, giã da, màng nhựa mỏng... là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Điều kiện quan trọng để Nhựa **Rạng đông** phát triển nhanh và mạnh hơn trong những năm sắp tới là liên tục nghiên cứu, thử nghiệm dòng sản phẩm mới nhằm đa dạng hoá ngành hàng.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh với mục tiêu tăng 40%/năm. Đặc biệt, **Rạng đông** thâm nhập được các thị trường khó tính: Mỹ, Nhật, Châu Âu... mở ra cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường tiềm năng khác.

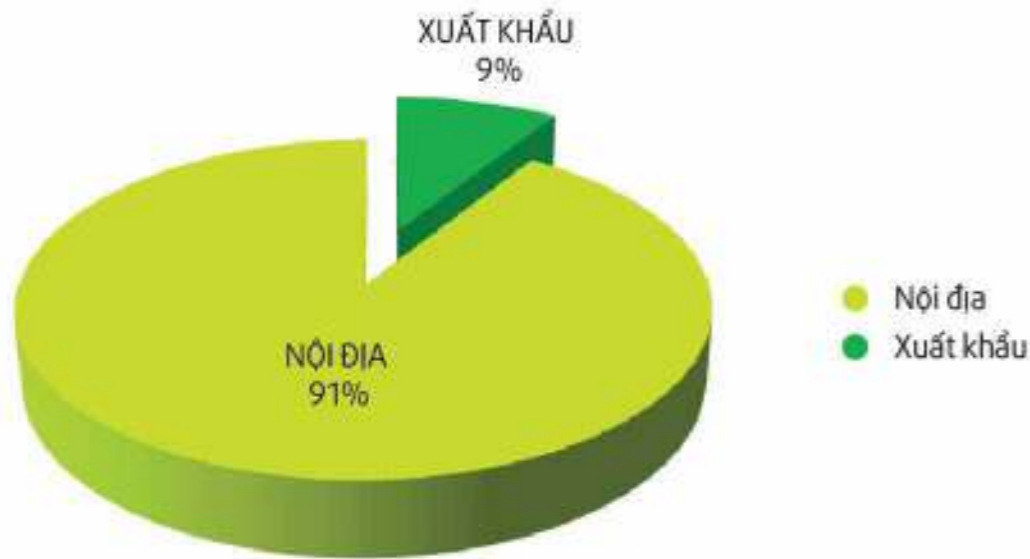
THÁCH THỨC

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, từ nguồn hàng nhập tiểu ngạch Trung Quốc với giá rẻ, màu sắc mẫu mã đa dạng.
- Sức ép cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu miễn giảm thuế theo các hiệp định ký kết, doanh nghiệp FDI vốn có nguồn lực mạnh về tài chính cùng kinh nghiệm kỹ thuật công nghệ và thị trường.
- Các doanh nghiệp nhựa còn phụ thuộc và bị động 80% nguồn nguyên liệu phải nhập từ nước ngoài.
- Giá đầu thô trên thế giới tăng giảm bất ổn định, làm cho giá nguyên liệu đầu vào của ngành nhựa luôn ở trong tình trạng bấp bênh, khó lường.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016

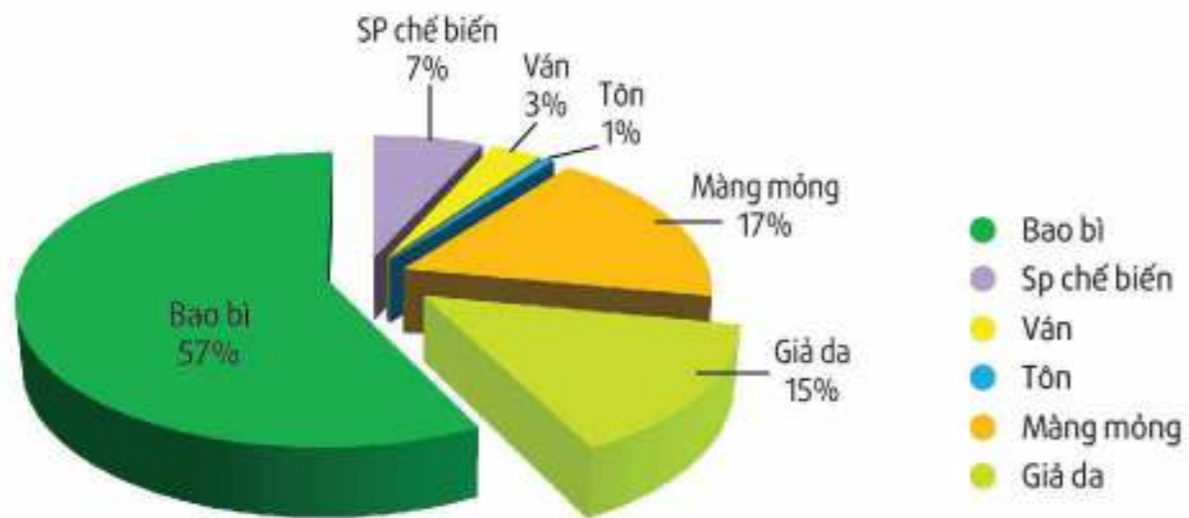
1. MỤC TIÊU DOANH THU 2016 THEO ĐƠN VỊ KINH DOANH

- Khách hàng là **TRỌNG TÂM**
- Sản phẩm, dịch vụ **HOÀN HẢO**
- Trách nhiệm xã hội **BỀN VỮNG**
- Trách nhiệm môi trường **CAM KẾT**



2. MỤC TIÊU DOANH THU 2016 THEO DÒNG SẢN PHẨM

Doanh thu 2016: **1497 TỶ**
(dự kiến tăng 46,2% so với 2015)



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



1. NHÓM BAO BÌ:

- Nhóm Sản Phẩm Bao Bì Phức Hợp
- Nhóm Sản Phẩm Màng Pe Co
- Nhóm Sản Phẩm Màng Bao Phủ Palet (Stretch Hood)
- Nhóm Tem Nhãn Giấy
- Nhóm Màng In Chuyển Nhiệt
- Nhóm Màng Phủ Nông Nghiệp



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



2. NHÓM GIẢ DA:

- Nhóm giả da phương tiện vận chuyển (nội thất du thuyền, ô tô,...)
- Nhóm giả da cho trang trí nội thất (sofa, ghế,...)
- Nhóm giả da cho phụ kiện (túi xách, ví, vali, dây nịch,...)
- Nhóm giả da cho giày dép (thời trang, thể thao)
- Nhóm giả da cho dụng cụ thể thao
- Nhóm giả da đặt hàng theo yêu cầu

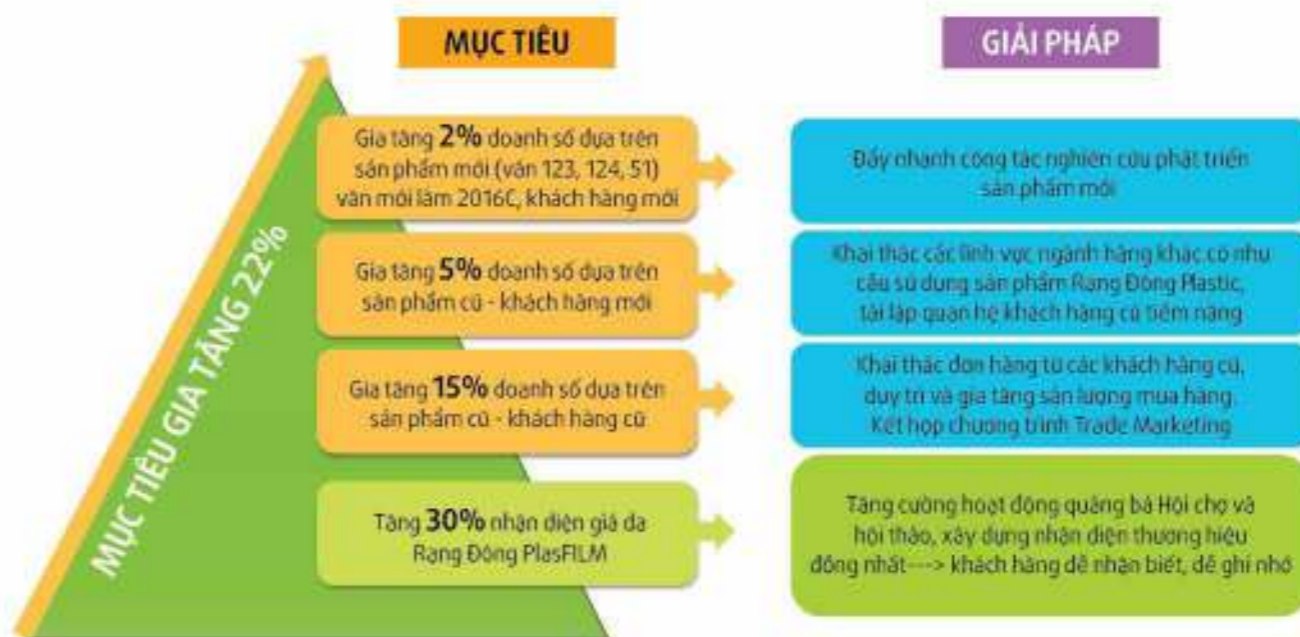


GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



3. NHÓM MÀNG MỎNG

- Nhóm màng PVC
- Nhóm màng EVA, PEVA, PE
- Nhóm màng tráng chống thấm
- Nhóm màng tráng ghép vải chậm cháy
- Nhóm màng vải cán ghép nhựa.
- Nhóm bạt phủ
- Nhóm trái bàn



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Rang Dong
PlasBOARDS

4. SẢN PHẨM CHẾ BIẾN:

- Nhóm áo mưa quảng cáo
- Nhóm áo mưa thương mại.
- Nhóm ô dù
- Nhóm áo phủ xe hơi, xe máy, máy may, máy giặt
- Nhóm áo phủ veston.
- Nhóm trải bàn 3D, trải bàn ghép
- Nhóm tạp dề,
- Nhóm màng bọc thực phẩm.
- Nhóm túi zipper



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN



5. NHÓM TỜ NHỰA PVC



5. NHÓM VÁN NHỰA

Nhóm ván PVC
Nhóm Ván PP



BỘ MÁY QUẢN LÝ



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HỒ ĐỨC LAM

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

Từ 1981 - 1984:

Công nhân điện Nhà máy Diêm Hòa Bình

Từ 1985 - 12/2005:

Công nhân điện XN Nguyên liệu giấy,
TP. Kỹ thuật Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**,
Phó TGD Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ 1/2006 đến nay:

Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nhựa **Rạng Đông**



Ông HỒ ĐỨC DŨNG

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Giám đốc P. Cung Ứng Vật Tư
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

2009 đến 2014

Giám Đốc Cty TNHH MTV
SXTM & DV Hồ Đức

2014 đến nay

Giám đốc Cung Ứng Vật Tư
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**



Ông NGUYỄN ĐỨC HẢI

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Phó TGD kiêm Kế Toán Trưởng
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ 1996- 2/2004: Kế toán
Tổng hợp Công ty Dệt may
Thành Công

Từ 3/1004 - 12/2005:

Tổ phó chuyên trách BQL dự
án, Trưởng ban CN Thông Tin,
Trưởng Ban Kiểm soát Công ty
CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ 12/2005 - 2014:

Phó phòng Tài chính kế toán,
Trưởng phòng Tài chính kế
toán, Kế toán Trưởng Công Ty
CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ 2014 đến nay : TV HĐQT -
Phó TGD kiêm Kế Toán Trưởng
Công Ty CP Nhựa **Rạng Đông**



Ông HỒ PHI HẢI

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Phó TGD - Công ty CP Nhựa
Thiếu Niên Tiến Phong phía Nam

Từ 1997-1998: Nhân viên kỹ
thuật Công ty Nhựa Bình Minh.

Từ 1998-2000: Nhân viên kỹ
thuật Công ty Elf-Atochem
Vietnam.

Từ 2000- nay: Giám đốc Công
ty TNHH Nhựa Tín Mỹ.

Từ 2007-nay: Phó TGD Công
ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiến
Phong phía Nam.



Bà TRẦN THỊ LĨNH

Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
Nhân viên Phòng XNK
Công ty CP bóng đèn Điện Quang

Từ 2004 - 2007: Nhân viên
P. Marketing Công ty CP
Bóng Đèn Điện Quang.

Từ 2007 - 2009: Nhân viên
Phòng KHVT Công ty CP Bóng
Đèn Điện Quang.

Từ 2009 đến nay: Nhân viên
Phòng XNK Công ty CP Bóng
Đèn Điện Quang.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà LÊ HẠNH DINH

Trưởng Ban Kiểm Soát
Giám Đốc Kinh Doanh
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ tháng 10-1995 đến nay :
Nhân viên P.Kinh Doanh
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**
Từ 2014 đến nay :
Giám Đốc Kinh Doanh
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**



Ông LƯƠNG TRUNG HIẾU

Thành viên Ban Kiểm Soát
Giám Đốc nhà máy cơ khí động lực
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

Làm việc tại nhà máy cơ khí động lực thuộc Công Ty CP Nhựa **Rạng Đông** từ tháng 11 năm 1993 với chức vụ kỹ sư cơ khí theo dõi bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị.



Bà NGUYỄN THỊ THÙY LIÊN

Thành viên Ban Kiểm Soát
Nhân viên Phòng Tài Chính Kế Toán
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

Từ 1987-2006: giữ chức vụ Thống kê tại Nhà máy Nhựa 2/Nhựa 1.
Từ 2006-2009: Thống kê tại P. Kho vận.
Từ 2009-2014: giữ chức vụ Nhân viên tại P. Kinh doanh/P. Xuất khẩu.
Từ tháng 3.2014 đến nay: giữ chức vụ Nhân viên tại P. Tài Chính Kế Toán.

CÔNG BỐ THÔNG TIN



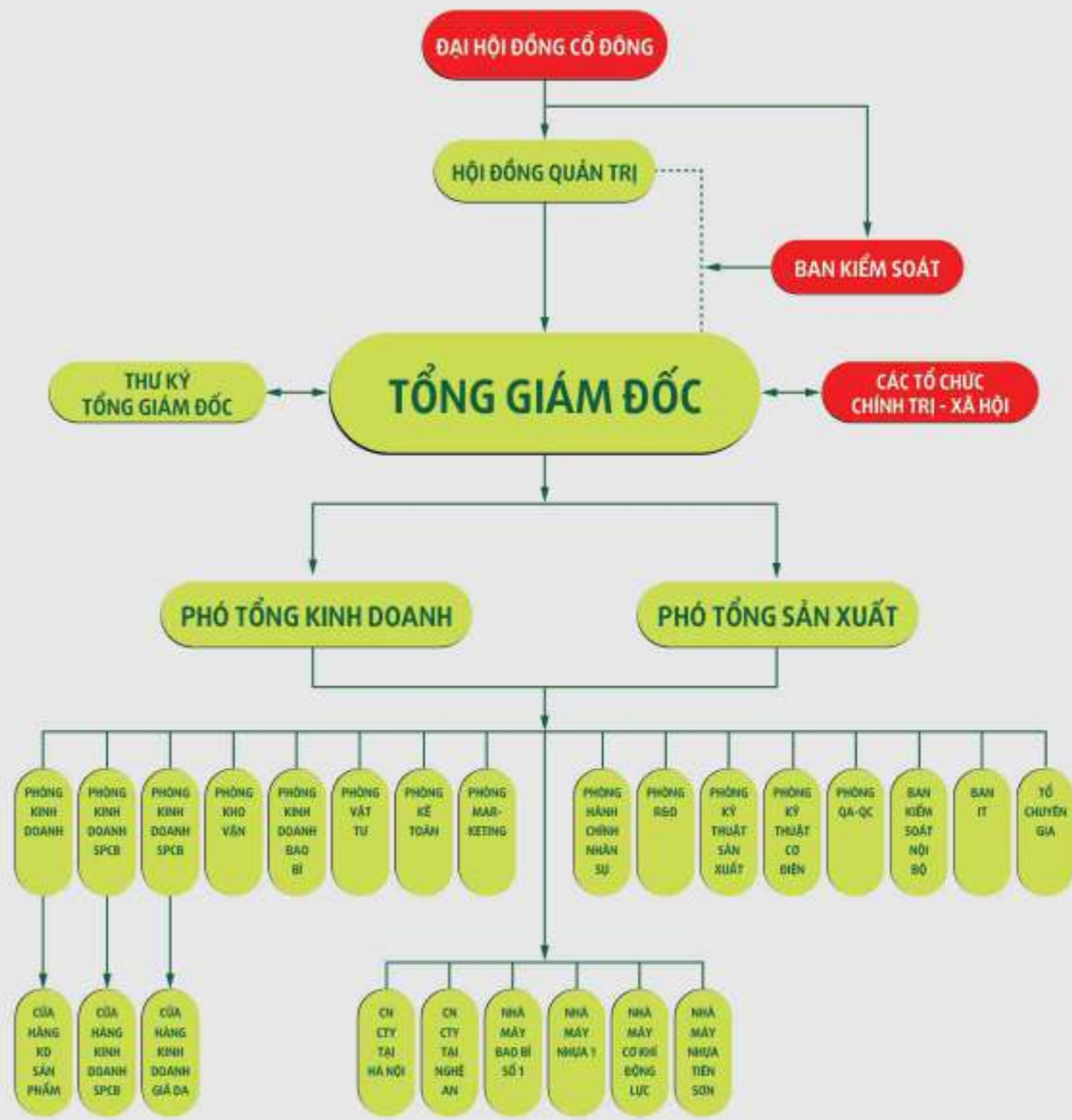
Ông MAI VĂN SÁU

Trưởng Phòng Tài Chính Kế Toán
Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

- **Từ 05/1997 đến 02/2003:** Nhân viên kế toán; Tổ trưởng tổ vật tư tài sản tại Công ty Dệt may Thành công
- **Từ 02/2003 đến 06/2003:** Phó phòng kế toán Công ty Dệt may Thành công
- **Từ 07/2003 đến 07/2005:** Trưởng phòng tài chính Công ty Dệt may Thành công
- **Từ 10/2004 đến 06/2006:** Kế toán trưởng Công ty Dệt may Thành công

Từ 07/2006 đến 06/2009: Thành viên Hội đồng quản trị; Kế toán trưởng; Trưởng ban Kế Toán Tài chính; Người Công bố thông tin Công ty Cổ phần Dệt may đầu tư thương mại Thành công
Từ 05/2007 đến 04/2010: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP chứng khoán Thành công (TCSC)
Từ 11/2007 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thành Chí.
Từ 06/2015 đến nay: TP. Tài chính Kế toán Công ty CP Nhựa **Rạng Đông**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2015



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch	19/19	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên	19/19	100%	
3	Ông Hồ Phi Hải	Thành viên	19/19	100%	
4	Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên	19/19	100%	
5	Bà Trần Thị Linh	Thành viên	19/19	100%	

2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Việc các thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm các vị trí trong Ban Giám Đốc công ty đã giúp công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành được thực hiện một cách thống nhất và kịp thời. Hiểu rõ các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các thành viên này đã giúp Ban Giám Đốc triển khai thực hiện một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Các thành viên Hội Đồng Quản Trị thường xuyên tham dự các cuộc họp với Ban Giám Đốc công ty để xem xét các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp trong các cuộc họp.

- Bên cạnh đó, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị cũng thường xuyên thông báo cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản, email, điện thoại về tình hình hoạt động của công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo.

- Hội Đồng Quản Trị triển khai đôn đốc Ban Giám Đốc công ty thực hiện các hoạt động sau:

- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- + Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các nội dung liên quan.
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 16/1/2016
- + Triển khai các dự án đầu tư.
- + Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu qua các phương tiện truyền thông.
- + Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn hiệu quả; công tác thu chi, hạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực quy định.
- + Công tác tài chính và công bố thông tin minh bạch, tuân thủ quy định.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT: (KHÔNG CÓ)

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	508/QĐ-HĐQT	10/01/2015	Phê duyệt thanh lý xe ô tô cũ
2	509/QĐ-HĐQT	20/01/2015	Phê duyệt thanh lý tài sản cố định và công cụ
3	356/NQ-HĐQT	21/01/2015	Thông qua việc bán cổ phiếu Eximbank
4	754/QĐ-HĐQT	02/03/2015	Phê duyệt thanh lý tài sản cố định
5	776/QĐ-HĐQT	17/03/2015	Phê duyệt cơ cấu Ban IT thành phòng Công nghệ thông tin
6	2064/NQ-HĐQT	20/6/2015	Thông qua tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2015
7	2494/QĐ-HĐQT	01/08/2015	Quyết định về việc thay đổi con dấu Công ty
8	2395/NQ-HĐQT	04/08/2015	Nghị quyết về việc sang nhượng đất và công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ 159 LLQ
9	2510/QĐ-HĐQT	17/08/2015	Quyết định phê duyệt bổ sung xe ô tô phục vụ công tác kinh doanh
10	2706/NQ-HĐQT	10/09/2015	Thông qua việc thay đổi người phụ trách công bố thông tin.
11	2708/NQ-HĐQT	14/09/2015	Thông qua báo cáo khả thi dự án xây dựng thành lập Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An.
12	3075/QĐ-HĐQT	20/09/2015	Nghị quyết HĐQT về thuê đất
13	2886/QĐ-HCNS	01/10/2015	Phê duyệt bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh Công ty (ông Nguyễn Nguyên)
14	3073/NQ-HĐQT	05/10/2015	Quyết định thành lập Công ty cổ phần
15	3553/NQ-HĐQT	25/11/2015	Quyết định triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
16	3495/NQ-HĐQT	30/11/2015	Quyết định thôi chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Kinh Doanh Công ty (ông Nguyễn Nguyên).
17	3548/NQ-HĐQT	24/12/2015	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn.
18	3640/NQ-HĐQT	24/12/2015	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ thặng dư vốn



III. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ
1	Hồ Đức Lam	061C103320	Chủ tịch HĐQT TGD	024332090	09/11/04	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM
2	Hồ Phi Hải		Thành viên HĐQT	022414423	30/03/09	117 Lê Thị Riêng, Q.11, Tp.HCM
3	Hồ Đức Dũng		Thành viên HĐQT - GD.Vật tư	023881074	30/03/01	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM
4	Trần Thị Linh		Thành viên HĐQT	024752231	18/12/07	5.10 lô M1, chung cư Tôn Thất Thuyết, P.1, Q.4, Tp.HCM
5	Nguyễn Đắc Hải	093C182567	Thành viên HĐQT - GD. Tài chính	024745486	21/05/07	36 đường số 15 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM

2. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ
6	Hồ Đức Lam	061C103320	Chủ tịch HĐQT TGD	024332090	09/11/04	M3 Cư xá Tân Sơn Nhì, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM
7	Nguyễn Văn Thường		Phó Tổng Giám đốc	029602545	24/07/01	207 Thống Nhất, P.Tân Thành, Q.Tân Phú, Tp.HCM
8	Nguyễn Đắc Hải	093C182567	Thành viên HĐQT - GD. Tài chính	024745486	21/05/07	36 đường số 15 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, Tp.HCM

3. CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ
9	Mai Văn Sáu	085C0011111	Trưởng phòng Tài Chính Kế toán	024934629	30/05/08	A06.12 Chung cư the Harmona 33 Trương Công Định, P.14, Q.Tân Bình, Tp. HCM

4. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Tài khoản giao dịch CK (nếu có)	Chức danh	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ
10	Lê Hạnh Đình		Trưởng Ban kiểm soát	022704198	01/07/95	120 Nguyễn Tri Phương, P.7, Q.5, Tp.HCM
11	Lương Trung Hiếu		Thành viên Ban kiểm soát, GD.CKDL	022457696	08/01/01	386 An Dương Vương P.4, Q.5, Tp.HCM
12	Nguyễn Thị Thuý Liên		Thành viên Ban kiểm soát	02251891	10/04/12	15/104/4 Hòa Bình P.3, Q.11, Tp.HCM

IV. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Hồ Phi Hải	Thành viên HĐQT	1		784.586	5%	Mua và nhận cổ tức bằng CP
02	Hồ Đức Lam	CT.HĐQT/ TGD	3.461.473	24.26%	10.159.707	64.74%	Mua và nhận cổ tức bằng CP
03	Nguyễn Hoàng Ngân	Cổ đông lớn	2.776.970	19.32%	2.703.234	17.23%	Bán và nhận cổ tức bằng CP
04	Nguyễn Thị Hương Giang	Cổ đông lớn	2.796.849	19.46%	0	0	Bán
05	Huỳnh Minh Đoan	Cổ đông lớn	2.889.065	20.10%	0	0	Bán
06	Hồ Quỳnh Hưng	Em Chủ tịch HĐQT	121.741	0.85%	0	0	Bán



BÁO CÁO RỦI RO CÔNG TY

Năm 2015, việc quản trị rủi ro được Ban Tổng Giám Đốc chủ động điều hành đưa ra các giải pháp đón đầu nhằm kiểm soát hạn chế mọi rủi ro vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần tạo nền tảng phát triển bền vững.

RỦI RO THANH KHOẢN



Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiến mặt và các khoản tương đương tiền, ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty, và giảm thiểu ảnh hưởng những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Do khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và dòng tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn khá ổn định.



RỦI RO PHÁP LÝ VÀ CÁC CAM KẾT TỪ CÁC HIỆP ĐỊNH KÝ KẾT VỚI NƯỚC NGOÀI



Mỗi quốc gia đều có hệ thống pháp luật riêng và Doanh nghiệp thường ít am tường hệ thống pháp luật các nước khác, nên rất dễ gặp rủi ro. Trong trường hợp ngay cả pháp luật nước mình, các cam kết quốc tế cũng không nắm vững, thì vô cùng nguy hiểm. Thực tế thời gian qua cho thấy, nhiều doanh nghiệp thường gặp rủi ro trong quan hệ thương mại quốc tế, dẫn đến doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều rủi ro và chịu các thiệt hại không đáng có về tài chính và uy tín. Do đó, Công ty đã có chủ trương xem xét việc thuê đội ngũ tư vấn đầu tư để có những bước đi chiến lược vững chắc nhằm tránh các rủi ro.

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm	332,631,495,424	92,382,516,824	414,055,000	425,428,067,248
Các khoản vay	284,857,132,746	92,382,516,824	414,055,000	377,653,704,570
Phải trả người bán	32,302,087,593	-	-	32,302,087,593
Phải trả khác	1,962,611,342	-	-	1,962,611,342
Chi phí phải trả	1,962,611,342	-	-	13,509,663,743
Số đầu năm	405,628,370,369	50,124,678,259	12,360,815,803	468,113,864,431
Các khoản vay	311,956,127,609	49,522,653,067	12,360,815,803	373,839,596,479
Phải trả người bán	79,907,347,278	-	-	79,908,347,278
Phải trả khác	5,653,082,623	602,025,192	-	6,255,107,815
Chi phí phải trả	8,110,812,856	-	-	8,110,812,859

RỦI RO LÃI SUẤT



Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý, có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Bên cạnh đó, công ty đã dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ hợp lý.

RỦI RO NGOẠI TỆ



Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Hiện nay Công ty vẫn cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.

RỦI RO KHÁCH HÀNG



Ngoài việc quản lý nhóm khách hàng lớn đảm bảo việc duy trì và tăng trưởng doanh số, công ty còn xây dựng nhóm khách hàng mới tiềm năng luôn đáp ứng doanh thu sẵn sàng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

DOANH THU 2015

1,131 Tỷ

(tăng 5% so với 2014)



Năm 2015 tiếp tục là một năm có nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành nhựa nói riêng. Nguồn nguyên liệu nhựa biến động, phụ thuộc hoàn toàn vào nước ngoài gây ra tình trạng khó khăn, thụ động trong sản xuất.

Kết thúc năm 2015, tổng doanh thu hàng hoá và dịch vụ của công ty đạt 1,131 tỷ đồng, tăng 5% so với 2014.

Trước tình hình thị trường có chiều hướng tăng nhẹ vào quý 3, quý 4 của toàn ngành nhựa trong năm 2015. Đây cũng là bàn đạp cho công ty đẩy mạnh năng suất sản lượng, chuẩn bị cho năm 2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,138,770,664,464	1,083,747,554,897
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	8,001,198,281	4,122,698,004
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,130,769,466,183	1,079,624,856,893
Giá vốn hàng bán	11	981,791,625,239	968,150,185,397
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	148,977,840,944	111,474,671,496
Doanh thu hoạt động tài chính	21	330,240,581	449,449,233
Chi phí tài chính	22	28,950,028,574	24,790,049,874
Trong đó: Lãi vay phải trả	23	24,959,445,703	23,090,328,941
Chi phí bán hàng	24	30,487,916,513	28,459,112,764
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33,340,465,924	27,236,199,787
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	56,529,670,514	31,438,758,304
Thu nhập khác	31	22,278,852,152	90,316,280
Chi phí khác	32	1,363,718,439	1,961,456,629
Lợi nhuận khác	40	20,915,133,713	-1,871,140,349
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	77,444,804,227	29,567,617,955
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	17,494,509,000	6,778,941,483
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	59,950,295,227	22,788,676,472
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	3,438	1,363

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2015

Công ty có lượng tiền và tương đương tiền cuối năm 2015

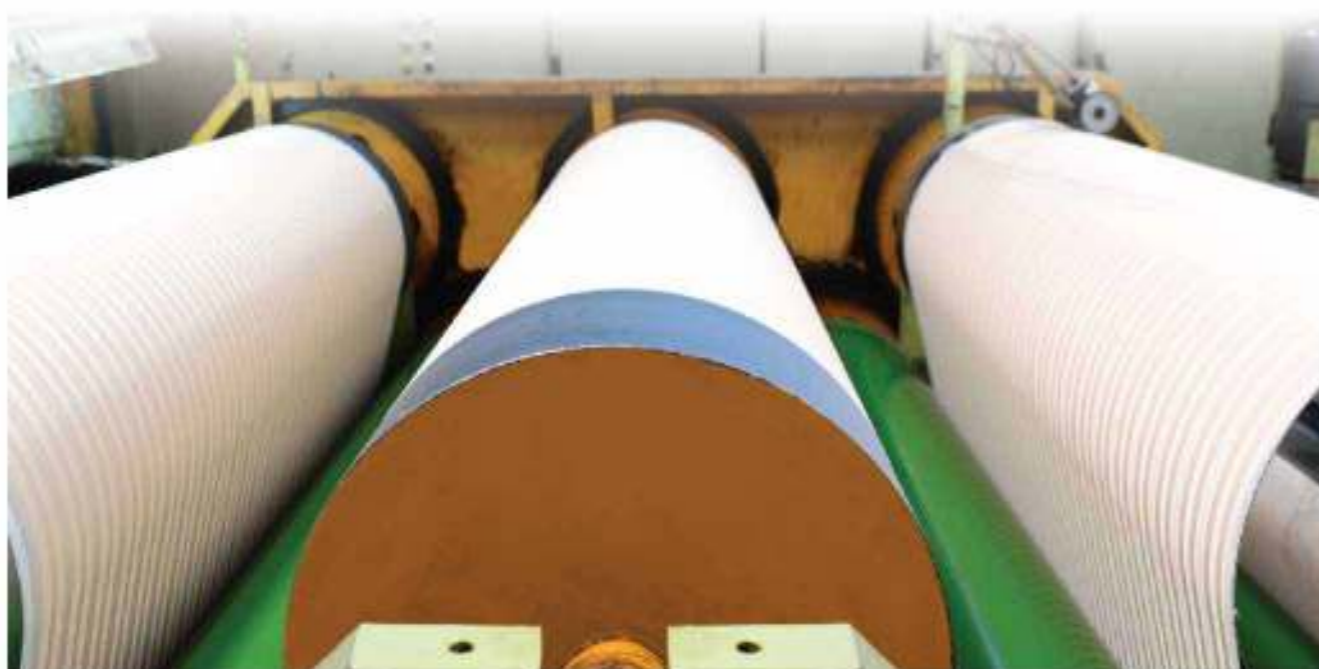
17.87 Tỷ

tăng hơn 70% so với cùng kỳ năm 2014.
Tiền thuận tăng lên là do chủ yếu tạo ra từ lợi nhuận.



1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2015

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	765,761,070,192	745,913,240,554	
Doanh thu thuần	1,130,769,466,183	1,079,624,856,893	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56,529,670,514	31,438,758,304	
Lợi nhuận khác	20,915,133,713	-1,871,140,349	
Lợi nhuận trước thuế	77,444,804,227	29,567,617,955	
Lợi nhuận sau thuế	59,950,295,227	22,788,676,472	



2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
- TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.06	0.979	
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
	0.49	0.48	
Cơ cấu vốn			
- Tỷ lệ nợ/Tổng tài sản	0.605	0.672	
- Tỷ lệ nợ/Vốn chủ sở hữu	1.533	2.049	
Năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.477	1.447	
Khả năng sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5.302%	2.111%	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19.829%	9.314%	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7.829%	3.055%	
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	6.85%	2.74%	

Mặc dù chỉ số tài chính giảm nhẹ do sự tăng trưởng chậm của doanh số và lợi nhuận, nhưng nhìn chung tình hình tài chính công ty vẫn tiếp tục duy trì vững mạnh



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2015

3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2015

Chi tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	77,444,804,227	29,567,617,955
2. Điều chỉnh các khoản	-	-
- Khấu hao tài sản cố định	36,599,554,031	29,194,064,564
- Các khoản dự phòng	263,782,503	1,588,178,123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(22,111,381,140)	1,181,931,735
- Chi phí lãi vay	24,989,445,703	23,090,328,941
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	53,426,829,675	(66,647,436,755)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	8,099,737,139	9,158,362,069
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(48,742,308,449)	16,556,862,380
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1,515,105,414)	3,147,580,342
- Tiến lãi vay đã trả	(25,012,296,276)	(22,869,711,797)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10,992,180,510)	(9,026,417,041)
- Tiến thu khác từ hoạt động kinh doanh	602,025,192	261,000,000
- Tiến chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1,653,743,148)	(1,369,477,342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	91,399,163,533	13,829,883,174
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	-	-
- Tiến chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(101,445,505,737)	(125,188,866,151)
- Tiến thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	13,569,230,909	272,727,273
- Tiến chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
- Tiến thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
- Tiến chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
- Tiến thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-	-
- Tiến thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	46,881,408	145,803,188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(87,829,393,520)	(124,770,335,690)

Chi tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2014 (đồng)
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
- Tiến thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		27,657,440,000
- Tiến thu từ đi vay	978,784,502,264	949,594,155,624
- Tiến trả nợ gốc vay	(974,970,394,173)	(850,314,204,852)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(11,445,460,040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3,814,108,091	115,491,930,732
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	7,383,878,104	4,551,478,216
Tiến và tương đương tiền tồn đầu năm	10,491,163,424	5,939,685,208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiến và tương đương tiền cuối năm	17,875,041,528	10,491,163,424



Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

BÁO CÁO QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ TRONG 2015



Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin một cách linh hoạt đến các nhà đầu tư để cùng nắm rõ tình hình hoạt động Công ty.

Tổ chức Đại hội cổ đông bất thường 16/01/2016 Triển khai các nội dung đã được cổ đông biểu quyết tại Đại hội.

Tiếp tục triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông 2014.

Ngoài ra Công ty đã tham dự các chương trình hội thảo đầu tư trong nước và nước ngoài.

Các thông tin tài chính và phi tài chính được công ty công bố đầy đủ kịp thời trên website công ty: www.rdplastic.vn



Nâng cao chất lượng quan hệ cổ đông, nhà đầu tư là một phần quan trọng trong định hướng chiến lược của công ty nhằm xây dựng hệ thống quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của công ty là hướng đến mối quan hệ trung thực, bình đẳng hai bên cùng có lợi cho sự phát triển bền vững.

CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình phát triển, công tác bảo vệ môi trường luôn được ban lãnh đạo chỉ đạo sát sao, trở thành mục tiêu hàng đầu trong hệ thống quản lý chất lượng của công ty



CÔNG TÁC XÃ HỘI

Trong năm qua, công ty đã tham gia tích cực nhiều hoạt động xã hội như: Đóng góp ủng hộ chiến sĩ Hải đảo Trường Sa, tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo "Ngày chủ nhật đỏ" Báo Tiền Phong tổ chức, đồng hành cùng Hội chữ thập đỏ tham gia chương trình Ấm tình mùa xuân, trao nhà tình thương cho hộ nghèo trên địa bàn Quận 11,...



Tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo "Ngày chủ nhật đỏ" Báo Tiền Phong tổ chức

Tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo "Ngày chủ nhật đỏ" Báo Tiền Phong tổ chức



Đồng hành cùng Hội chữ thập đỏ tham gia chương trình Ấm tình mùa xuân

Trao nhà tình thương cho hộ nghèo trên địa bàn Quận 11



CAM KẾT TRÁCH NHIỆM

- HỢP TÁC BỀN VỮNG
- SẢN PHẨM TỐT NHẤT
- GIÁ CẢ CẠNH TRANH
- DỊCH VỤ TUYỆT HẢO
- TĂNG GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG
- TĂNG GIÁ TRỊ TINH THẦN-VẬT CHẤT CHO THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN
- TĂNG PHÚC LỢI XÃ HỘI

TRÁCH NHIỆM
KINH TẾ

TRÁCH NHIỆM
ĐỐI VỚI
LỢI ÍCH
CỔ ĐÔNG -
THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM
ĐÓNG GÓP
CHO CỘNG ĐỒNG

- ĐÓNG GÓP TỪ THIÊN/ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG THỊNH VƯỢNG – BỀN VỮNG
- DẪN ĐẦU NGÀNH NHỰA VIỆT NAM – CẠNH TRANH TOÀN CẦU
- GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ QUỐC DÂN ĐẤT NƯỚC

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015

Được sự ghi nhận của các cơ quan chính phủ và đoàn thể qua các thành tích đạt được trong 2015, toàn thể công ty sẽ luôn phấn đấu nỗ lực không ngừng đóng góp vào công trình xây dựng kinh tế và phát triển đất nước.

Tên đơn vị được công nhận	Tên giải thưởng	Loại giải	Tổ chức vinh danh
Công ty CP Nhựa <i>Rạng đông</i>	Doanh nghiệp Hồ Chí Minh tiêu biểu		UBND Tp.HCM
Công ty CP Nhựa <i>Rạng đông</i>	Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2015		Hiệp hội Hàng VNCLC và báo Sài Gòn Tiếp Thị



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giã đa, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị công ty số 2884 ngày 30/09/2015; nghị quyết số 3640 ngày 24/12/2015 và công văn số 32 đề ngày 08/01/2016, công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn và phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động (ESOP) từ nguồn quỹ khen thưởng với số lượng cổ phiếu sẽ phát hành lần lượt là 2.242.730 CP và 200.000 CP. Thời gian phát hành là trong tháng 01 năm 2016.

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông bất thường số 132 đề ngày 16/01/2016, Ủy quyền cho HĐQT công ty triển khai thủ tục để phát hành thêm 4.714.800 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Dự kiến sẽ phát hành trong 6 tháng đầu năm 2016.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Linh	Thành viên
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Ông Hồ Phi Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đức Lam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Hạnh Dinh	Trưởng ban kiểm soát
Ông Lương Trung Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Liên	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hồ Đức Lam
Tổng Giám đốc



Số: /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông được lập ngày 01 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN)



Nguyễn Thị Lan
 Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
 0167-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Cúc
 Chứng nhận đăng ký hành nghề số:
 0700-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		392.762.199.605	429.421.921.941
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	17.875.041.528	10.491.163.424
1. Tiền	111		17.875.041.528	10.491.163.424
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.233.651.749	196.452.484.521
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	146.096.575.450	126.831.074.881
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.212.384.613	53.251.283.297
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	897.947.168	17.371.463.825
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(973.255.482)	(1.001.337.482)
IV. Hàng tồn kho	140		209.412.303.627	217.803.905.269
1. Hàng tồn kho	141	V.06	212.508.780.366	220.608.517.505
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.096.476.739)	(2.804.612.236)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.241.202.701	4.674.368.727
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.124.376.960	1.361.528.083
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.838.332.142	2.596.855.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	278.493.599	715.985.053
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.998.870.587	316.491.318.613
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	602.025.192
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	-	602.025.192
II. Tài sản cố định	220		305.554.111.639	239.269.176.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	284.033.392.375	232.619.064.439
- Nguyên giá	222		553.406.513.202	470.087.240.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.373.120.827)	(237.468.176.114)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	21.520.719.264	6.650.111.706
- Nguyên giá	228		23.208.682.026	7.993.758.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.687.962.762)	(1.343.646.471)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	7.714.506.935
- Nguyên giá	231		-	9.063.412.740
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1.348.905.805)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.999.143.531	67.212.251.461
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	64.999.143.531	67.212.251.461
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.186.396.520	1.186.396.520
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.186.396.520	1.186.396.520
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.259.218.897	506.962.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	1.259.218.897	506.962.360
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		765.761.070.192	745.913.240.554

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		463.417.570.347	501.241.168.287
I. Nợ ngắn hạn	310		370.620.998.523	438.755.674.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	32.302.087.593	79.908.347.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.611.305.629	11.424.749.399
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	12.464.247.019	6.411.161.150
4. Phải trả người lao động	314		16.675.983.292	12.133.024.614
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.509.663.743	8.110.812.859
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.753.743.748	6.591.766.256
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	284.857.132.746	311.956.127.609
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.446.834.753	2.219.685.060
II. Nợ dài hạn	330		92.796.571.824	62.485.494.062
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	602.025.192
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	92.796.571.824	61.883.468.870
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.343.499.845	244.672.072.267
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	302.343.499.845	244.672.072.267
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		156.921.140.000	142.657.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.921.140.000	142.657.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.511.640.000	24.511.640.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.046.167.663	52.802.102.839
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.952.339.227	22.788.676.473
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.044.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.950.295.227	22.788.676.473
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		765.761.070.192	745.913.240.554

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải



Hồ Đức Lam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.138.770.664.464	1.083.747.554.897
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	8.001.198.281	4.122.698.004
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.130.769.466.183	1.079.624.856.893
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	981.791.625.239	968.150.185.397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		148.977.840.944	111.474.671.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	330.240.581	449.449.233
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	28.950.028.574	24.790.049.874
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.989.445.703	23.090.328.941
8. Chi phí bán hàng	25	VI.09b	30.487.916.513	28.459.112.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.09a	33.340.465.924	27.236.199.787
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.529.670.514	31.438.758.304
11. Thu nhập khác	31	VI.07	22.278.852.152	90.316.280
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.363.718.439	1.961.456.629
13. Lợi nhuận khác	40		20.915.133.713	(1.871.140.349)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.444.804.227	29.567.617.955
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	17.494.509.000	6.778.941.483
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.950.295.227	22.788.676.472
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.438	1.363

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Đức Hải

Hồ Đức Lam



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77.444.804.227	29.567.617.955
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	36.599.554.031	29.194.064.564
- Các khoản dự phòng	03	263.782.503	1.588.178.123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.111.381.140)	1.181.931.735
- Chi phí lãi vay	06	24.989.445.703	23.090.328.941
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.186.205.324	84.622.121.318
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	53.426.829.675	(66.647.436.755)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.099.737.139	9.158.362.069
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(48.742.308.449)	16.556.862.380
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.515.105.414)	3.147.580.342
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.012.296.276)	(22.869.711.797)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.992.180.510)	(9.029.417.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	602.025.192	261.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.653.743.148)	(1.369.477.342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.399.163.533	13.829.883.174
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(101.445.505.837)	(125.188.866.151)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	13.569.230.909	272.727.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.881.408	145.803.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(87.829.393.520)	(124.770.335.690)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	27.657.440.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	978.784.502.264	949.594.155.624
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(974.970.394.173)	(850.314.204.852)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.445.460.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.814.108.091	115.491.930.732
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.383.878.104	4.551.478.216
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.491.163.424	5.939.685.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.875.041.528	10.491.163.424

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Hải

Tổng Giám đốc

Hồ Đức Lam



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Rang Đông là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rang Đông theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003236 ngày 28 tháng 01 năm 2005, và các giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất, Thương mại, và Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sản lắp mặt bằng; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mối giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty: dưới 1 năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm:

Nhà máy Nhựa Tiên Sơn (Bắc Ninh) đã đi vào sản xuất đại trà góp phần đáng kể tăng doanh thu và lợi nhuận trong năm cho công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Bao bì Số 1	Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, H. Củ Chi, TP. HCM
Nhà máy Nhựa Học Môn	60/2 Quang Trung, TT. Học Môn, huyện Học Môn, TP. HCM
Chi nhánh Nghệ An	Số 9 Phan Bội Châu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Hà Nội	Số 57 Vũ Trọng Phụng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Nhà máy Nhựa Tiên Sơn	Đường TS7, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh

Trong năm, Công ty đã thành lập công ty sau:

Tên	Địa chỉ
Công Ty Cổ Phần Nhựa Rang Đông Long An (*)	Lô H1,H2,H3,H4,H7,H8,H9 đường số 3,8,9 Khu công nghiệp Tân Đông, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

(*): Công Ty Cổ Phần Nhựa Rang Đông Long An được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1101802636 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 19/10/2015 với vốn điều lệ là 70.000.000.000 đồng. Đến ngày ký báo cáo này, công ty vẫn chưa thực hiện góp vốn vào công ty này. Hiện công ty Cổ Phần Nhựa Rang Đông Long An đang trong giai đoạn tiền hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư 200 so với quyết định 15 và thông tư 244 nên các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính kỳ này cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư số 200/2014/TT-BTC như trình bày tại thuyết minh số VIII.4.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
Phần mềm	05 - 10 năm

7. Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Doanh nghiệp không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Công cụ dụng cụ và thiết bị quản lý xuất dùng có giá trị lớn được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (36 tháng).

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả người bán và nợ phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ vay

Các khoản nợ vay tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay dài hạn.

Trường hợp khoản nợ vay bằng ngoại tệ thì tại thời điểm cuối kỳ các khoản nợ vay có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay khoản Chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khỏi lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

20. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.528.026.340	2.474.562.504
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.347.015.188	8.016.600.920
Cộng	17.875.041.528	10.491.163.424

Đơn vị tính: VND

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cổ phần			
	31/12/2015	01/01/2015	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư cổ phiếu	1.186.396.520	1.865.332.320	1.186.396.520	2.131.751.520
+ Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu (Eximbank)	1.185.998.600	1.864.934.400	1.185.998.600	2.131.353.600
+ Công ty CP Gò Đàng	397.920	397.920	397.920	-
Cộng	1.186.396.520	1.865.332.320	1.186.396.520	2.131.751.520

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngân hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH MTV MV Investment (*)	16.983.900.000	-
Các khách hàng khác	129.112.675.450	126.831.074.881
Cộng	146.096.575.450	126.831.074.881

(*) Phải thu Công ty TNHH MTV MV Investment là khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B - Tỉnh Bình Dương như thuyết minh ở mục V.10.

18

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐỒNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Q.11, TP. HCMBÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Phải thu khác
a/ Ngân hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	877.092.500	960.269.254
Giá trị hàng ước chờ bồi thường	-	16.220.523.712
Các khoản phải thu ngân hàng khác	20.854.668	190.670.859
Cộng	897.947.168	17.371.463.825

b/ Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	602.025.192
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Cộng	-	602.025.192

5. Nợ xấu

	31/12/2015	01/01/2015
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
WUJIANG YIGE IMPORT & EXPORT CO., LTD	847.485.687	-
Các đối tượng khác	125.769.795	(125.769.795)
Cộng	973.255.482	(973.255.482)
	847.485.687	(847.485.687)
	181.933.795	28.082.000
	1.029.419.482	(1.001.337.482)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	1.974.620.352	-	2.637.765.900	-	
Nguyên liệu, vật liệu	146.224.423.981	(2.383.947.441)	148.496.766.760	(1.734.316.111)	
Công cụ, dụng cụ	413.623.660	-	419.640.770	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.091.789.637	-	14.258.669.179	-	
Thành phẩm	42.410.524.628	(525.600.107)	50.426.763.938	(140.232.933)	
Hàng hóa	4.393.798.108	(186.929.191)	4.308.131.028	(930.063.192)	
Hàng gửi đi bán	-	-	60.779.929	-	
Cộng	212.508.780.366	(3.096.476.739)	220.608.517.505	(2.804.612.236)	

- Giá trị HTK dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày cuối năm là: 185.725.401.061

7. Tài sản dở dang dài hạn
Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Xây dựng cơ bản dở dang	63.586.844.321	-	62.237.255.302	-	
- Dự án nhà máy tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh	1.684.000.000	-	21.982.534.913	-	
- Dự án 7 lô đất KCN Tân Đô - Long An	54.362.858.490	-	21.539.631.607	-	
- Mua nhà đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	-	3.701.254.400	-	
- Mua nhà đất tại 159 Lạc Long Quân, P.3, Q.11	90.643.246	-	10.908.619.073	-	
- Công trình xây dựng NMBB số 1	3.735.717.095	-	4.045.132.595	-	
- Công trình xây dựng khác	12.371.090	-	60.082.714	-	
Mua sắm tài sản cố định	1.412.299.210	-	4.974.996.159	-	
Cộng	64.999.143.531	-	67.212.251.461	-	

20

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐỒNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Q.11, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	Cộng
Số dư đầu năm	52.955.337.521	387.763.202.029	18.950.494.547	10.418.206.456	470.087.240.553	
Số tăng trong năm	20.855.621.704	59.076.754.284	6.086.169.511	2.625.144.419	88.443.689.918	
- Mua sắm mới	-	19.842.137.794	6.086.169.511	2.625.144.419	28.553.451.724	
- Đãi tr.XDCB hoàn thành	20.655.621.704	39.234.616.490	-	-	59.890.238.194	
Số giảm trong năm	800.818.182	3.829.423.763	432.506.704	61.668.620	5.124.417.269	
- Thanh lý, nhượng bán	800.818.182	3.829.423.763	432.506.704	61.668.620	5.124.417.269	
Số dư cuối năm	72.810.141.043	443.010.532.550	24.604.157.354	12.981.682.255	553.406.513.202	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.662.554.832	197.000.086.801	9.432.469.081	4.373.065.400	237.468.176.114	
Số tăng trong năm	2.811.285.112	29.863.967.314	2.049.161.619	1.530.823.695	36.255.237.740	
- Khấu hao trong năm	2.811.285.112	29.863.967.314	2.049.161.619	1.530.823.695	36.255.237.740	
Số giảm trong năm	26.693.940	3.829.423.763	432.506.704	61.668.620	4.350.293.027	
- Thanh lý, nhượng bán	26.693.940	3.829.423.763	432.506.704	61.668.620	4.350.293.027	
Số dư cuối năm	29.447.146.004	223.034.630.352	11.049.123.996	5.842.220.475	269.373.120.827	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	26.292.782.689	190.763.115.228	9.518.025.466	6.045.141.056	232.619.064.439	
Tại ngày cuối năm	43.362.995.039	219.975.902.198	13.555.033.358	7.139.461.780	284.033.392.375	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 143.538.426.600
122.132.073.213

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Hệ thống quản lý mạng, hệ thống ISSO	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.466.544.597	527.213.580	7.993.758.177
Số tăng trong năm	15.214.923.849	-	15.214.923.849
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	15.214.923.849	-	15.214.923.849
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	22.681.468.446	527.213.580	23.208.682.026
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	888.166.223	455.480.248	1.343.646.471
Tăng trong năm	298.716.291	45.600.000	344.316.291
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	1.186.882.514	501.080.248	1.687.962.762
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.578.378.374	71.733.332	6.650.111.706
Tại ngày cuối năm	21.494.585.932	26.133.332	21.520.719.264

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	9.063.412.740
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	9.063.412.740
- Thanh lý, nhượng bán	9.063.412.740
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.348.905.805
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	1.348.905.805
- Thanh lý, nhượng bán	1.348.905.805
Số dư cuối kỳ	-
Tổn thất do suy giảm giá trị	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	7.714.506.935
Tại ngày cuối năm	-

(*): Trong năm công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng Bất động sản đầu tư là khu đất tại khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B - Tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Q.11, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2015	01/01/2015				
	VND	VND				
11. Chi phí trả trước						
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn						
Công cụ, dụng cụ	1.594.955.063	1.361.528.083				
Chi phí bảo hiểm	524.063.728	-				
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.358.169	-				
Cộng	2.124.376.960	1.361.528.083				
b/ Chi phí trả trước dài hạn						
Công cụ, dụng cụ	256.282.097	506.962.360				
Chi phí sửa chữa, cải tạo	958.174.435	-				
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.762.365	-				
Cộng	1.259.218.897	506.962.360				
12. Vay và nợ thuê tài chính						
a) Vay ngắn hạn						
	31/12/2015	01/01/2015				
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ				
	Tăng	Giảm				
	Trong năm					
	Đơn vị tính: VND					
Vay ngắn hạn ngân hàng	255.719.161.504	255.719.161.504	855.194.869.834	886.367.167.658	286.891.459.328	286.891.459.328
Vay dài hạn đến hạn trả	29.137.971.242	29.137.971.242	34.500.801.784	30.427.498.823	25.064.668.281	25.064.668.281
Cộng	284.857.132.746	284.857.132.746	889.695.671.618	916.794.666.481	311.956.127.609	311.956.127.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	72.188.684.320	VND	Tài sản
Ngân hàng Sinopac	12.613.269.350	VND	Tin chấp
Ngân hàng ANZ	27.654.889.292	VND	Tin chấp
Ngân hàng Công thương	15.968.300.916	VND	Tin chấp
Ngân hàng Eximbank	37.383.669.964	VND	Tin chấp
Ngân hàng Vietcombank	50.593.577.307	VND	Tin chấp
Ngân hàng Vietcombank - Nam SG	15.464.363.188	VND	Tin chấp
Ngân hàng MB	14.043.206.520	VND	Tin chấp
Ngân hàng Sinopac	138.944,55	USD	Tin chấp
Ngân hàng Vietcombank - Nam SG	298.190,44	USD	Tin chấp
Cộng		255.719.161.504	

Các khoản vay ngắn hạn: thời hạn vay là 6 tháng.

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay dài hạn đến hạn trả:

Bên cho vay	Số dư nợ gốc	Tương đương VND	Phương thức đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Eximbank	4.377.523.364	VND	Tài sản
Ngân hàng Eximbank	89.471,00	USD	Tài sản
Ngân hàng Công thương	2.131.181.562	VND	Tài sản
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	8.708.000.000	VND	Tài sản
Ngân hàng MB	4.847.634.216	VND	Tài sản
Ngân hàng ACB - Tân Bình	3.546.936.000	VND	Tài sản
Ngân hàng ACB - Tân Bình	156.707,00	USD	Tài sản
Cộng		29.137.971.242	

24

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG
190 Lạc Long Quân, Phường 3, Q.11, TP. HCMBÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b) Vay dài hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm
Vay dài hạn ngân hàng	92.796.571.824	92.796.571.824	89.093.300.646	58.180.197.692
Cộng	92.796.571.824	92.796.571.824	89.093.300.646	58.180.197.692
			61.883.468.870	61.883.468.870

Chi tiết số dư cuối năm các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Lãi suất /năm	Số dư nợ gốc	Trong năm		Số có khả năng Trả nợ	Giá trị	Đơn vị tính: VND	Phương thức đảm bảo bảo khoản vay
			Tăng	Giảm				
Ngân hàng Công thương	(a)	8.524.726.264	8.524.726.264	VND	8.524.726.264	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng Eximbank	(b)	9.331.361.343	9.331.361.343	VND	9.331.361.343	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng Eximbank	(c)	161.812,90	161.812,90	USD	3.632.632.255	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng ACB - Tân Bình	(d)	18.823.384.000	18.823.384.000	VND	18.823.384.000	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng ACB - Tân Bình	(e)	100.038,55	100.038,55	USD	2.245.865.391	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng Quân đội	(f)	17.370.689.266	17.370.689.266	VND	17.370.689.266	Tài sản	Tài sản	
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	(g)	32.867.913.305	32.867.913.305	VND	32.867.913.305	Tài sản	Tài sản	
Cộng			92.796.571.824		92.796.571.824			

(a): Đảo hạn tháng 12 năm 2020, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng

(b): Đảo hạn tháng 12 năm 2021, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng

(c): Đảo hạn tháng 12 năm 2019, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng

(d): Đảo hạn tháng 06 năm 2022, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng

(e): Đảo hạn tháng 02 năm 2021, lãi suất thả nổi từ 3 đến 6 tháng

(f): Đảo hạn tháng 07 năm 2020, lãi suất thả nổi từ 6 đến 12 tháng

(g): Đảo hạn tháng 06 năm 2022, lãi suất thả nổi từ 6 đến 12 tháng

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Phải trả người bán	31/12/2015		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả cho người bán ngắn hạn					
CTY TNHH Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	2.914.560.000	2.914.560.000	10.880.996.500	10.880.996.500	
Công Ty TNHH MTV TM DV Huỳnh Ánh Hưng	-	-	8.428.562.888	8.428.562.888	
Công Ty TNHH SAKATA INX Việt Nam	3.880.122.245	3.880.122.245	8.172.875.470	8.172.875.470	
Các đối tượng khác	25.507.405.348	25.507.405.348	52.425.912.420	52.425.912.420	
Cộng	32.302.087.593	32.302.087.593	79.908.347.278	79.908.347.278	

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	31/12/2015		01/01/2015		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số đã nộp trong năm	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.427.318.378	27.427.318.378	-	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.598.603.952	8.598.603.952	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.893.136.863	17.494.509.000	10.992.180.510	12.395.465.353	
Thuế thu nhập cá nhân	287.893.882	1.118.038.843	1.337.151.059	68.781.666	
Thuế Nhà Thuế	230.130.405	467.228.542	697.358.947	-	
+ Thuế thu nhập Nhà Thuế	230.130.405	415.508.031	645.638.436	-	
+ Thuế GTGT Nhà Thuế	-	51.720.511	51.720.511	-	
Thuế Tài Nguyên	-	6.596.400	6.596.400	-	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.168.003.859	1.168.003.859	-	
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-	
Cộng	6.411.161.150	56.289.298.974	50.236.213.105	12.464.247.019	
b) Phải thu					
Thuế Nhập khẩu	715.985.053	4.294.883.528	3.857.392.074	278.493.599	
Cộng	715.985.053	4.294.883.528	3.857.392.074	278.493.599	

26

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số phải trả trong năm	Giá trị	Số đã nộp trong năm
Ngắn hạn				
Trích trước chi phí lãi vay	550.967.233	-	573.817.806	-
Chi phí phải trả khác	12.958.696.510	-	7.536.995.053	-
Cộng	13.509.663.743		8.110.812.859	
16. Phải trả khác				
Phải trả ngắn hạn khác				
Kinh phí công đoàn	791.132.406	-	938.683.633	-
Bảo hiểm xã hội	91.712.969	-	-	-
Bảo hiểm y tế	537.716.333	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	208.868.428	-	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	30.000.000	-
Cổ tức phải trả	349.874.610	-	349.874.610	-
Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh	-	-	4.000.000.000	-
Phải trả khác	744.439.002	-	1.273.208.013	-
Cộng	2.753.743.748		6.591.766.256	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển (*)
Số dư đầu năm trước	115.000.000.000	24.673.190.000	1.912.212.955	40.638.166.581
Tăng vốn trong năm trước	27.657.440.000	(161.550.000)		
Lợi nhuận tăng trong năm trước				26.196.146.065
Phân phối lợi nhuận năm trước				(26.196.146.064)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2013				12.163.936.258
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2013				(12.163.936.258)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2013				(2.619.614.606)
Số dư cuối năm trước	142.657.440.000	24.511.640.000	1.912.212.955	52.802.102.839
Số dư đầu năm nay	142.657.440.000	24.511.640.000	1.912.212.955	52.802.102.839
Tăng vốn trong năm nay	14.263.700.000			
+ Chia cổ tức từ lợi nhuận 2014 bằng cổ phiếu (**)	14.263.700.000			(14.263.700.000)
Lợi nhuận tăng trong năm nay				59.950.295.227
Phân phối lợi nhuận trong năm nay (**)				(8.522.932.473)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2014				6.244.064.824
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận 2014				(6.244.064.824)
Số dư cuối kỳ này	156.921.140.000	24.511.640.000	1.912.212.955	59.046.167.663

(*) Do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC từ ngày 01/01/2015, các số liệu phát sinh tăng/giảm trong năm 2014 và các số dư tại ngày 01/01/2014, và ngày 31/12/2014 của Quỹ Dự phòng tài chính đã được cộng góp vào Quỹ đầu tư phát triển.

(**) Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức bằng cổ phiếu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 16/05/2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2015		01/01/2015	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	156.921.140.000	100%	142.657.440.000
Cộng	100%	156.921.140.000	100%	142.657.440.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận				
		Năm nay		Năm trước
		VND		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu năm		142.657.440.000		115.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		14.263.700.000		27.657.440.000
Vốn góp giảm trong năm		-		-
Vốn góp cuối năm		156.921.140.000		142.657.440.000
Cổ phiếu thưởng, cổ tức, lợi nhuận đã chia		14.263.700.000		11.412.595.200
Trong đó: - Chia cổ tức bằng tiền		-		11.412.595.200
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu		14.263.700.000		-
d) Cổ phiếu		31/12/2015		01/01/2015
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		15.692.114		14.265.744
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		15.692.114		14.265.744
- Cổ phiếu phổ thông		15.692.114		14.265.744
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.692.114		14.265.744
- Cổ phiếu phổ thông		15.692.114		14.265.744
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu				
d) Cổ tức				31/12/2015
				VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm				
Cổ phiếu thưởng đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)				22.427.300.000
(*): Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị công ty số 2884 ngày 30/09/2015; nghị quyết số 3640 ngày 24/12/2015 và công văn số 32 đề ngày 08/01/2016, công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn với số lượng cổ phiếu sẽ phát hành là 2.242.730 CP. Thời gian phát hành là trong tháng 01 năm 2016.				
e) Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2015		01/01/2015
		VND		VND
Quỹ đầu tư phát triển		59.046.167.663		52.802.102.839
Cộng		59.046.167.663		52.802.102.839

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	8.825.254.726	487.163.899
Nợ khó đòi đã xử lý	1.818.484.095	1.790.402.095
<i>Chi tiết theo đối tượng:</i>		
- Công ty TNHH Xây Dựng Đô Thành - TSC	499.071.000	499.071.000
- Công ty TNHH Orly Inter	607.583.650	607.583.650
- Công ty TNHH CN TP An Thái	272.270.800	272.270.800
- Các đối tượng khác	439.558.645	411.476.645
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngoại tệ các loại		
Trong đó: - USD	130.019,77	18.500,19
- EUR	7.218,45	0,71

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.138.770.664.464	1.083.747.554.897
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	156.926.178.564	144.100.469.326
- Doanh thu bán thành phẩm	980.537.994.110	938.540.024.247
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.306.491.790	1.107.061.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	8.001.198.281	4.122.698.004
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	1.198.435.253	1.040.663.684
- Giảm giá hàng bán	1.143.535.756	219.375.501
- Hàng bán bị trả lại	5.659.227.272	2.862.658.819
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.130.769.466.183	1.079.624.856.893
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	156.647.522.785	144.023.584.442
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	972.815.451.608	934.494.211.127
- Doanh thu thuần dịch vụ	1.306.491.790	1.107.061.324

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hoá đã bán	185.469.160.713	142.746.882.341
Giá vốn của thành phẩm đã bán	796.322.464.526	825.403.303.056
Cộng	<u>981.791.625.239</u>	<u>968.150.185.397</u>
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.881.408	79.198.388
Lãi chênh lệch tỷ giá	283.359.173	283.646.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	66.604.800
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	20.000.000
Cộng	<u>330.240.581</u>	<u>449.449.233</u>
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	24.989.445.703	23.090.328.941
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.687.367.493	1.699.720.933
Chi phí tài chính khác	273.215.378	-
Cộng	<u>28.950.028.574</u>	<u>24.790.049.874</u>
7. Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư	22.064.499.732	-
Thu tiền phạt hợp đồng	159.469.817	-
Thu nhập khác	54.882.603	90.316.280
Cộng	<u>22.278.852.152</u>	<u>90.316.280</u>
8. Chi phí khác		
Lỗ từ thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	1.327.734.923
Chi tiền phạt hợp đồng	72.554.470	-
Chi phí khác	1.291.163.969	633.721.706
Cộng	<u>1.363.718.439</u>	<u>1.961.456.629</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.328.756.393	2.757.897.514
Chi phí tiền lương	11.762.696.726	6.327.309.688
Chi phí khấu hao	3.820.896.533	3.553.842.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.926.211.304	4.426.106.196
Chi phí khác bằng tiền	10.501.904.968	10.171.044.285
Cộng	33.340.465.924	27.236.199.787

b) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương	9.200.622.181	7.226.678.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.782.838.734	11.512.152.798
Chi phí bằng tiền khác	8.665.193.913	7.859.926.743
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.839.261.685	1.860.354.871
Cộng	30.487.916.513	28.459.112.764

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.705.218.316	717.409.083.228
Chi phí nhân công	77.967.436.670	71.982.904.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.599.554.031	29.194.064.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.128.668.467	51.554.896.362
Chi phí khác bằng tiền	19.506.070.698	18.445.875.457
Cộng	854.906.948.182	888.586.824.469

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế.

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	77.444.804.227	29.567.617.955
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.275.691.229	1.245.752.423
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.275.691.229	1.312.357.223
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	2.275.691.229	1.312.357.223
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	66.604.800
<i>+ Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	66.604.800
Tổng lợi nhuận tính thuế	79.720.495.456	30.813.370.378
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.538.509.000	6.778.941.483
Thuế TNDN giảm theo tờ khai thuế TNDN điều chỉnh đề ngày 27/01/2016	(44.000.000)	-
Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành	17.494.509.000	6.778.941.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	59.950.295.227	22.788.676.472
Các khoản điều chỉnh	(5.995.029.523)	(2.278.867.649)
- Các khoản điều chỉnh giảm	5.995.029.523	2.278.867.649
<i>+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	5.995.029.523	2.278.867.649
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	53.955.265.704	20.509.808.823
Cổ phiếu lưu hành đầu năm	14.265.744	11.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm (*)	1.426.370	3.548.310
Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phát hành thêm (**)	2.242.730	2.242.730
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.692.114	15.048.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.438	1.363

(*): Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2015 với tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành là 1.426.370 CP.

(**): Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phát hành thêm được xác định do số lượng cổ phiếu thưởng sẽ phát hành trong tháng 01/2016 như thuyết minh tại mục VI.17.đ.

Ghi chú : Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong năm nay là phần quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính tỷ lệ 10% theo nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, như sau:

	Năm nay VND
Tăng vốn cổ phần trong năm bằng - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14.263.700.000
Tổng cộng	14.263.700.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc trong năm như sau:	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, thù lao và các khoản phúc lợi khác	2.130.198.401	1.637.095.131

2. Thông tin báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dẫn dụng từ chất dẻo, do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh đồng thời công ty cũng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Công cụ tài chính

a/ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.875.041.528	10.491.163.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.991.660.323	142.842.957.162
Đầu tư dài hạn khác	1.186.396.520	1.186.396.520
Cộng	165.053.098.371	154.520.517.106
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	34.264.698.935	86.163.455.093
Chi phí phải trả	13.509.663.743	8.110.812.859
Các khoản vay	377.653.704.570	373.839.596.479
Cộng	425.428.067.248	468.113.864.431

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành của chế độ kế toán Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b/ Tài sản đảm bảo

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 01/01/2015 và vào ngày 31/12/2015, như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Hàng tồn kho - Nguyên vật liệu & Thành phẩm	185.725.401.061	196.118.918.462
TSCĐ hữu hình - Máy móc thiết bị	143.538.426.600	90.200.000.000
TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất	-	6.578.378.374
Xây dựng cơ bản dở dang - Quyền sử dụng đất	-	47.223.420.920
Bất động sản đầu tư - Quyền sử dụng đất	-	7.714.506.935
Cộng	329.263.827.661	347.835.224.691

c/ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

d/ Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

e/ Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND			Cộng
	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	
Số cuối năm	332.631.495.424	92.382.516.824	414.055.000	425.428.067.248
Các khoản vay	284.857.132.746	92.382.516.824	414.055.000	377.653.704.570
Phải trả người bán	32.302.087.593	-	-	32.302.087.593
Phải trả khác	1.962.611.342	-	-	1.962.611.342
Chi phí phải trả	13.509.663.743	-	-	13.509.663.743
Số đầu năm	405.628.370.369	50.124.678.259	12.360.815.803	468.113.864.431
Các khoản vay	311.956.127.609	49.522.653.067	12.360.815.803	373.839.596.479
Phải trả người bán	79.908.347.278	-	-	79.908.347.278
Phải trả khác	5.653.082.623	602.025.192	-	6.255.107.815
Chi phí phải trả	8.110.812.859	-	-	8.110.812.859

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

D/ Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC, một số chỉ tiêu tại ngày 31/12/2014 trên Bảng Cân đối kế toán và trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Số liệu tại ngày 31/12/2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	429.421.921.941	429.421.921.941	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	195.492.215.267	196.452.484.521	960.269.254
3. Phải thu ngắn hạn khác	16.411.194.571	17.371.463.825	960.269.254 (a)
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.634.637.981	4.674.368.727	(960.269.254)
4. Tài sản ngắn hạn khác	960.269.254	-	(960.269.254) (a)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	244.672.072.267	244.672.072.267	-
I. Vốn chủ sở hữu	244.672.072.267	244.672.072.267	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	46.114.192.369	52.802.102.839	6.687.910.470 (b)
5. Quỹ dự phòng tài chính	6.687.910.470	-	(6.687.910.470) (b)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Số liệu năm 2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
11. Thu nhập khác	363.043.553	90.316.280	(272.727.273)
12. Chi phí khác	2.234.183.902	1.961.456.629	(272.727.273)
13. Lợi nhuận khác	(1.871.140.349)	(1.871.140.349)	- (c)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.673	1.363	(310) (d)

- (a): Chuyển số dư khoản Tam ứng từ Tài sản ngắn hạn khác sang Phải thu ngắn hạn khác;
- (b): Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển.
- (c): Ghi giảm Chi phí khác và Thu nhập khác phần chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý TSCĐ với giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.
- (d): Điều chỉnh tăng lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2015.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và cho đến ngày lập Báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hải

Tổng Giám Đốc



Hồ Đức Lam



THÔNG TIN LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA **Rang Đông**



Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, P.3, Q.11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (84-8) 3969 2272 - Fax: (84-8) 3969 2843

E-mail: nhuarangdong@rdplastic.vn

Web: www.rdplastic.com.vn - www.aomuarangdong.com

MST: 0300384357